



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ NGHỆ AN

Vinh, ngày 17 tháng 4 năm 2012

PHẦN I: LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

I. GIỚI THIỆU CHUNG:

TÊN CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Trụ sở chính: Tầng 23-24 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7 - Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0383.586488

Fax: 0383. 586696

Website: www.pvit.com.vn.

Email: dkna@yahoo.com.

Mã cổ phiếu: PXA

Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng

Chủ tịch HĐQT: Ông **Đường Hùng Cường**

Tổng Giám đốc: Ông **Lê Phi Hùng**

Số lượng Công ty thành viên: 0

BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Ông Đường Hùng Cường: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Phan Hải Triều: Ủy viên
- Ông Đồng Xuân Bình: Ủy viên
- Ông Lê Phi Hùng: Ủy viên
- Ông Trần Đình Quang: Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

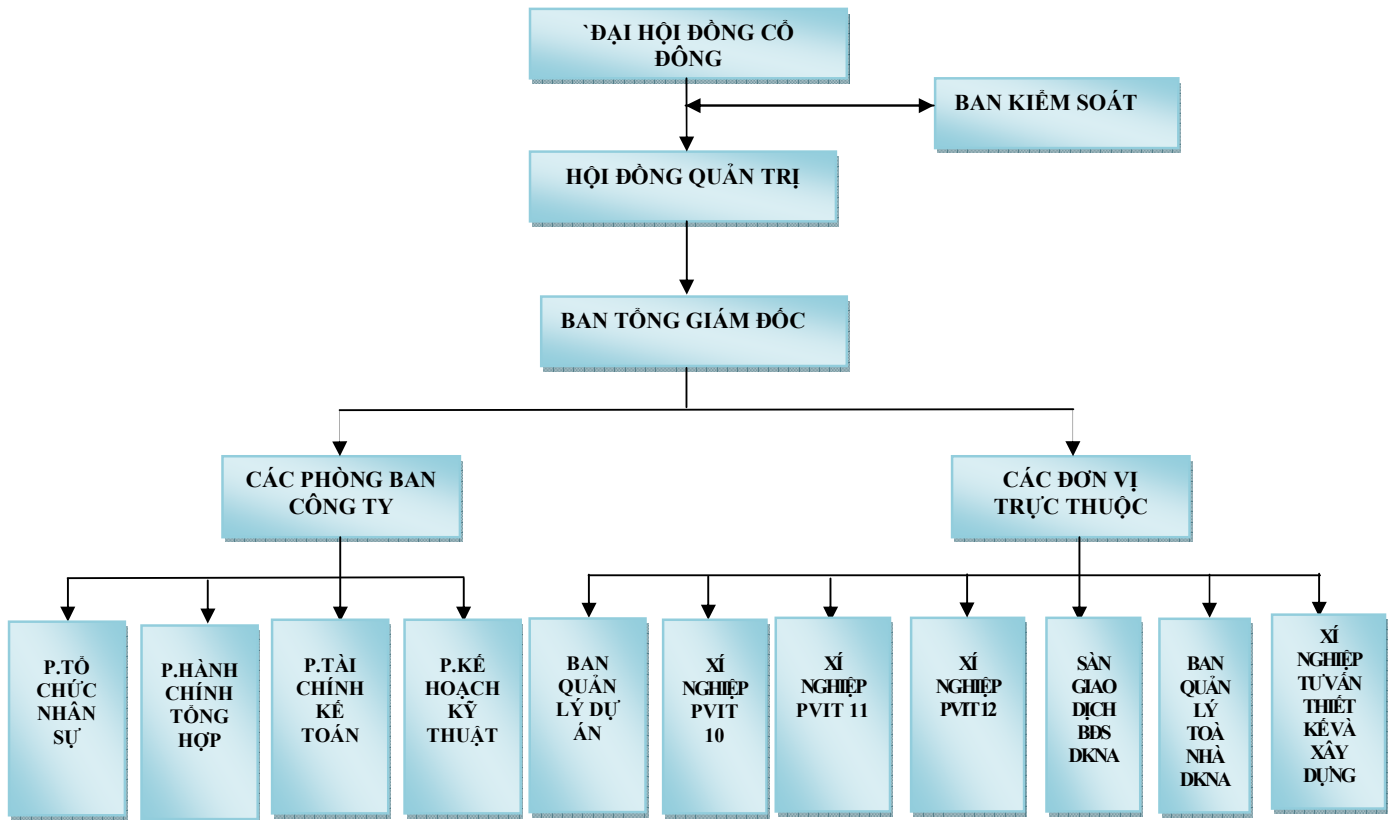
- Ông Lê Phi Hùng: Tổng Giám đốc
- Ông Trần Đình Quang: Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Hoàng Đạt: Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT:

- Bà Trần Thị Hồng Minh: Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Trần Lương Sơn: Thành viên
- Bà Lê Thị Thuý Hà: Thành viên

KẾ TOÁN TRƯỞNG: Ông Nguyễn Văn Phóng

CƠ CẤU TỔ CHỨC: (Biểu 1)



I. LĨNH VỰC KINH DOANH

- Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, kinh doanh các trung tâm thương mại, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chung cư;
- Đầu tư xây dựng, khai thác, quản lý các dự án thủy điện;
- Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Dịch vụ ủy thác đầu tư; Đầu tư tài chính;
- Đầu tư, kinh doanh Bất động sản;
- Kinh doanh vật tư, vật liệu, sản phẩm Dầu khí (xăng dầu, gas, phân đạm);
- Tư vấn thiết kế, giám sát, thẩm tra hồ sơ thiết kế và dự toán các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông; thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông; thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng các công trình: dân dụng, thủy lợi, thủy điện, hạ tầng khu công nghiệp, giao thông, vận tải hàng hoá theo hợp đồng;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

II. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG:

1. Việc thành lập:

Công ty là đơn vị được thành lập theo chủ trương của Tập đoàn, với chức năng nhiệm vụ chính là thực hiện Đầu tư và Xây dựng một số dự án của ngành Dầu khí tại địa bàn tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung Bộ;

Tổng số vốn điều lệ khi thành lập là 100 tỷ VNĐ (Một trăm tỷ đồng). Ban đầu, Công ty có 05 cổ đông sáng lập là 05 Công ty trong ngành:

- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC): 30% VDL;
- Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC): 30% VDL;
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI): 10% VDL;
- Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power land): 20% VDL;
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI): 10% VDL.

Chính thức đi vào hoạt động từ ngày 25/02/2008 theo giấy CNĐKKD số 2900872462 do Sở KHĐT Nghệ An, Công ty đã nhanh chóng hoàn thiện cơ cấu tổ chức, triển khai nhiều dự án đầu tư và xây dựng trọng điểm của ngành Dầu khí trên địa bàn tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung Bộ.

2. Quá trình phát triển

❖ Ngày 16/03/2008, ĐHĐCĐ Công ty đã ra Nghị quyết số 04-1/NQ-ĐHĐCĐ chấp thuận việc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam góp vốn 10% vốn điều lệ thay cho Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An, cụ thể như sau:

Số lượng: 1.000.000 cổ phần (một triệu cổ phần)

Giá trị: 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng);

Tính đến thời điểm 31/12/2008, số lượng CP và cơ cấu thực góp được như sau:

Bảng 1: Danh sách cổ đông của PVIT tính đến 31/12/2008

TT	Cổ đông	Vốn điều lệ đăng ký góp		Vốn điều lệ thực góp		Ghi chú
		Tỷ lệ (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	Số lượng CP	
1	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	30%	3.000.000	12%	1.200.000	Chưa góp đủ
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC)	20%	2.000.000	-	0	Chưa góp vốn
3	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	10%	1.000.000	7%	700.000	Chưa góp đủ
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power Land)	20%	2.000.000	6%	600.000	Chưa góp đủ
5	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	10%	1.000.000	10%	1.000.000	Đã góp đủ
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)	10%	1.000.000	4%	400.000	Chưa góp đủ
Tổng cộng		100%	10.000.000	39%	3.900.000	

❖ Ngày 01/01/2009, ĐHĐCĐ Công ty đã ra Nghị quyết số 01A/NQ-ĐHĐCĐ thông qua việc chuyển nhượng CP Công ty của các cổ đông sáng lập. Cụ thể như sau:

- Đồng ý để Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power land) chuyển nhượng 100.000 CP; giá trị 1.000.000.000 đồng; tương đương 1% vốn điều lệ cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam.

Số CP còn lại mà Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam chưa góp hết, sẽ chuyển cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam góp.

Số lượng: 1.400.000 cổ phần (*một triệu bốn trăm cổ phần*)

Giá trị: 14.000.000.000 đồng (*mười bốn tỷ đồng*)

Như vậy, tổng số CP của Tổng Công ty Dầu Việt Nam là 1.500.000 CP (*một triệu năm trăm nghìn cổ phần*); giá trị 15 tỷ đồng; tương đương 15% vốn điều lệ.

- Đồng ý để (PSI) chuyển quyền góp vốn điều lệ cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Số lượng: 600.000 cổ phần (*sáu trăm nghìn cổ phần*)

Giá trị: 6.000.000.000 đồng (*sáu tỷ đồng*)

Như vậy, sau khi nhận chuyển quyền góp vốn, tổng số CP của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam là 1.600.000 (*một triệu sáu trăm nghìn*) cổ phần; giá trị 16 tỷ đồng; tương đương 16% vốn điều lệ.

Công ty đã thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh với Sở KHĐT tỉnh Nghệ An trong Giấy CNĐKKD thay đổi lần 2 ngày 16/6/2009 với danh sách cổ đông sáng lập như sau:

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập của PVIT theo Giấy CNĐKKD thay đổi lần 2

TT	Cổ đông	Tỷ lệ (%)	Số lượng (CP)	Giá trị (VNĐ)
1	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	30%	3.000.000	30.000.000.000
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC)	20%	2.000.000	20.000.000.000
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power Land)	5%	500.000	5.000.000.000
4	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	10%	1.000.000	10.000.000.000
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)	4%	400.000	4.000.000.000
6	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	16%	1.600.000	16.000.000.000
7	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	15%	1.500.000	15.000.000.000
Tổng cộng		100%	10.000.000	100.000.000.000

Tại thời điểm 31/12/2009, các cổ đông đã hoàn thành việc góp vốn theo số vốn đã đăng ký góp.

❖ Quý I/2010, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 10 tỷ đồng theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 18/11/2009 tại nghị quyết số 10/2009/NQ-ĐHĐCĐ.

- + Tên cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương Mại Dầu khí Nghệ An.
- + Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- + Số lượng cổ phần đăng ký chào bán: 1.000.000 cổ phần (một triệu cổ phần).
- + Thời hạn phát hành: từ ngày 01/01/2010 đến ngày 22/02/2010.
- + Đối tượng chào bán: CBCNV và cổ đông ngoài Công ty.

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành: 22/02/2010, Công ty đã phân phối được 800.000 cổ phần (tám trăm nghìn cổ phần); chiếm 80% tổng số cổ phiếu chào bán.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành là 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng).

HĐQT Công ty đã quyết định không tiến hành chào bán tiếp số CP được quyền chào bán nhưng chưa bán hết trong đợt phát hành.

Như vậy, kết thúc đợt phát hành riêng lẻ, vốn điều lệ của Công ty là 108 tỷ đồng.

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông sau khi kết thúc đợt phát hành năm 2010

TT	Cổ đông	Tỷ lệ (%)	Số lượng (CP)	Giá trị (VNĐ)
1	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	27,78%	3.000.000	30.000.000.000
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC)	18,52%	2.000.000	20.000.000.000
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power Land)	4,63%	500.000	5.000.000.000
4	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	9,26%	1.000.000	10.000.000.000
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)	3,7%	400.000	4.000.000.000
6	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	14,81%	1.600.000	16.000.000.000
7	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	13,9%	1.500.000	15.000.000.000
8	Cổ đông khác	7,4%	800.000	8.000.000.000
Tổng cộng		100%	10.800.000	108.000.000.000

❖ Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2010 số 04/NQ-ĐHĐCĐ.PVIT ngày 11/05/2010, ĐHĐCĐ của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng CP của các cổ đông sáng lập cho Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An, cụ thể như sau:

Bảng 4: Danh sách cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần

TT	Cổ đông sáng lập chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng
1	Tổng CT tài chính CP Dầu khí Việt Nam (PVFC)	3.000.000
2	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	1.600.000
3	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	1.000.000
4	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power land)	500.000
	Tổng cộng	6.100.000

Sau khi thực hiện chuyển nhượng, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

Bảng 5: Danh sách cổ đông sáng lập sau khi chuyển nhượng cổ phần

TT	Cổ đông	Vốn góp	
		Tỷ lệ (%)	Số lượng CP
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC)	75%	8.100.000
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)	3,7%	400.000
3	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	13,9%	1.500.000
	Tổng cộng	92,6%	10.000.000

Công ty đã tiến hành sửa đổi Giấy CNĐKKD lần thứ 5 theo danh sách cổ đông sáng lập như trên.

❖ Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 24/NQ-HĐCĐ.PVIT ngày 7/9/2010 quyết định chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL) tại Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An cho các cổ đông khác. Công ty đã thực hiện thay đổi lại đăng ký kinh doanh lần 6 ngày 05/11/2010 theo danh sách cổ đông sáng lập mới như sau:

Bảng 6: Danh sách cổ đông sáng lập sau khi thực hiện chuyển nhượng cổ phần

TT	Cổ đông	Vốn góp	
		Tỷ lệ (%)	Số lượng CP
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC)	75	8.100.000
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)	3,7	400.000
3	Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	12,75	1.377.000
4	Cổ đông khác (25 cổ đông)	1,14	123.000
	Tổng cộng	92,6%	10.000.000

❖ Quý IV/2010, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 42 tỷ đồng theo phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 11/5/2010 tại nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ.PVIT và được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 756/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/12/2010, cụ thể:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng đăng ký chào bán: 4.200.000 cổ phiếu
- Tổng mệnh giá chào bán: 42.000.000.000 đồng
- Khối lượng vốn cần huy động: 42.840.000.000 đồng
- Mục đích huy động vốn: Tổng số tiền thu được để bổ sung vốn đầu tư cho dự án Tổ hợp dịch vụ tổng hợp chung cư cao cấp, văn phòng và nhà ở liền kề Nghi Phú.
- Giá bán ra công chúng:
 - + Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và CBCNV: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - + Giá chào bán cho đối tác chiến lược: 12.000 đồng/cổ phiếu
- Đối tượng phát hành:
 - + Phát hành cho Cổ đông hiện hữu:
 - Số lượng phát hành: 3.240.000 cổ phần
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng mệnh giá: 32.400.000.000 đồng
 - + Phát hành cho Cán bộ nhân viên Công ty:
 - Số lượng phát hành: 540.000 cổ phần, tương ứng với 5% vốn điều lệ đang lưu hành của Công ty.
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng mệnh giá: 5.400.000.000 đồng
 - + Phát hành cho đối tác chiến lược:
 - Số lượng phát hành: 420.000 cổ phần
 - Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần
 - Tổng giá trị phát hành: 5.040.000.000 đồng
- ❖ Hiện tại, Công ty đã hoàn thành tăng vốn và niêm yết lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội 15.000.000 CP tương ứng 150 tỷ đồng.

3. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Tập trung phấn đấu xây dựng Công ty trở thành một Công ty mạnh, đa sở hữu, tập trung phát triển hoạt động SXKD trên các lĩnh vực quan trọng như Đầu tư, Xây lắp, Thương mại, Bất động sản, dịch vụ;

Thực hiện định hướng đầu tư phát triển đối với các Đơn vị của Công ty trên cơ sở ổn định cơ cấu tổ chức, sắp xếp đầu tư phát triển nguồn vốn, nguồn nhân lực, nâng cao năng lực máy móc thiết bị, đầu tư dự án trọng điểm và phát triển thị trường theo các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tập trung đầu tư và phát triển SXKD theo ngành nghề. Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Công ty là từng bước mở rộng thêm hoạt động thương mại, dịch vụ.

III. CÁC MỤC TIÊU KINH DOANH

Bảng 7: Các chỉ tiêu kinh tế trong năm 2012

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung SXKD	Kế hoạch SXKD năm 2012		
		Sản lượng	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
		302,00	248,77	6,40
A	Hoạt động Xây lắp	88,68	49,14	3,80
B	Hoạt động Kinh doanh Bất động sản + Hoạt động khác	213,32	199,63	2,60

IV. THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA PVIT NĂM 2011

1. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên tháng 4/2011.
2. Công ty đã phát hành thành công đợt bổ sung tăng vốn điều lệ từ 108 lên 150 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch về tăng vốn. Hoàn thành số liệu niêm yết cổ phiếu bổ sung lên Sàn chứng khoán. Ngày 22/2/2011 là ngày đầu tiên Cổ phiếu PXA của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội, đến nay 15.000.000 Cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên Sàn.
3. Công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp đã được củng cố và ổn định, triển khai công tác giao khoán tại các đơn vị, các công trình.
4. Trong năm 2011, Công ty đã xây dựng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và đang áp dụng đồng bộ hệ thống cho các Phòng/ Ban/ Đơn vị trong toàn Công ty.
5. Mở rộng quy mô của Công ty bằng hình thức mở rộng sản xuất kinh doanh song song mở thêm các đơn vị trực thuộc và đầu tư thiết bị nâng cao năng lực thi công.
6. Toà nhà Dầu khí Nghệ An đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.
7. Đẩy mạnh công tác đầu tư, triển khai nhiều dự án như: Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, chung cư cao cấp, căn hộ và nhà ở liền kề Nghi Phú; Dự án Khu đô thị Dầu khí Vinh Tân; Dự án Khu Resort và Dịch vụ tổng hợp Cửa Lò; Khu nhà ở thu nhập thấp và nhà ở CBCNV Dầu khí - Hưng Lộc; Dự án Trạm cung cấp xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Nam Sơn; Dự án Trạm cung cấp xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Khai Sơn.
8. Mở rộng hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước như: BIDV, Ocean Bank, ... và nhiều đối tác quan trọng khác.
9. Công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đảm bảo việc làm và ổn định đời sống cho CBCNV trong Công ty.

PHẦN II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2011

Năm 2011 là một năm đầy khó khăn nhưng được sự chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của Hội đồng quản trị, Công ty đã thu được những thành quả nhất định như: Khánh thành Tòa nhà Dầu khí Nghệ An và bước đầu đưa vào khai thác ổn định; tăng vốn điều lệ của Công ty từ 108 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng, niêm yết mã cổ phiếu PXA trên sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 22/2/2011; chuyển trụ sở làm việc về Tòa nhà Dầu khí Nghệ An ... từng bước khẳng định và nâng cao thương hiệu của Công ty.

Mặc dù vậy, trong năm 2011 trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát tăng cao, thị trường bất động sản và chứng khoán trầm lắng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 của Công ty, cụ thể như sau:

Bảng 8: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2011	Kết quả thực hiện năm 2011	Tỷ lệ đạt được so với KH năm 2011	Tỷ lệ đạt được so với năm 2010
1.	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	380,00	145,15	38,20 %	64,24 %
2.	Doanh thu	Tỷ đồng	342,00	96,64	28,26 %	54,10 %
3.	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	150,00	150,00	100 %	138,89 %
4.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,35	6,34	28,37 %	52,48 %
5.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,76	4,76	28,37 %	52,48 %
7.	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	8,00	12,70	158,75 %	73,11 %
8.	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10,00	2,5	25 %	50 %

B. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2011

Hội đồng quản trị Công ty với vai trò đại diện cho các cổ đông của PVIT đã làm việc nỗ lực, phối hợp chặt chẽ với Ban chấp hành Đảng ủy Công ty để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời và chỉ đạo, giám sát, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011. Cụ thể: trong năm 2011 HĐQT đã tổ chức 21 cuộc họp (gồm: 10 cuộc họp trực tiếp trong đó có 06 cuộc họp liên tịch Đảng ủy và HĐQT Công ty, 04 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng; 11 cuộc họp theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản). Sự chỉ đạo của HĐQT Công ty là định hướng để toàn thể cán bộ công nhân viên nỗ lực làm việc cũng như đảm bảo tính pháp lý, minh bạch trong quản lý điều hành của Công ty thể hiện trên các mặt công tác như sau:

1. Công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng chuyên sâu, tập trung phát huy thế mạnh chính của Công ty là công tác xây lắp và bất động sản. Không ngừng đào tạo đội ngũ cán bộ nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, lựa chọn những CBCNV có năng lực kinh nghiệm thực sự, thu hút công nhân kỹ thuật trình độ tay nghề cao. Cùng cố công tác tổ chức, nâng cao công tác quản lý, điều hành, nhằm xây dựng bộ máy hoạt động có hiệu quả cao nhất. Ngoài các Phòng, ban chức năng; đơn vị hạch toán độc lập là các xí nghiệp trực thuộc là PVIT 10, PVIT 11, PVIT 12; HĐQT đã chỉ đạo chuyển đổi mô hình hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập với Ban QLDA và Ban QL Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, thành lập mới Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế và Xây dựng. Tất cả là lực lượng chủ chốt góp phần tạo nên thành công của Công ty hiện tại và các bước phát triển sau này.

Năm 2011, Công ty đã xây dựng thành công và áp dụng đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 nhằm nâng cao công tác quản lý doanh nghiệp, bên cạnh đó là ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật, nâng cao công tác quản lý chất lượng, khối lượng và hồ sơ của Công ty theo đúng quy trình quy phạm.

Năm 2011, Hội đồng quản trị Công ty đã có sự thay đổi cơ cấu nhân sự như sau: (theo nghị quyết liên tịch số 30/NQLT-PVIT ngày 16/5/2011 của Đảng ủy và Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An)

- + Ông Đường Hùng Cường - Chủ tịch HĐQT
- + Ông Phan Hải Triều - Ủy viên HĐQT
- + Ông Đồng Xuân Bình - Ủy viên HĐQT
- + Ông Lê Phi Hùng - Ủy viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc C.ty
- + Ông Trần Đình Quang - Ủy viên HĐQT, kiêm phó Tổng giám đốc C.ty

2. Công tác lãnh đạo, giám sát, chỉ đạo trong điều hành SXKD Công ty

Hội đồng quản trị luôn tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo đối với Ban Tổng giám đốc, các phòng/ban chức năng nghiệp vụ thông qua các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế, quy định hoạt động và phân cấp quản lý kinh tế tài chính cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Hội đồng quản trị thông qua các quy chế quản lý nội bộ, chỉ đạo các bộ phận tăng cường chủ động, kịp thời trong kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo tiến độ, hiệu quả kinh tế, hướng đến phân cấp và nâng cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân Thủ trưởng các đơn vị và trưởng các phòng/ban nâng cao tính minh bạch, chuyên nghiệp trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, với các công trình trọng điểm, Hội đồng quản trị luôn sát cánh, hỗ trợ Ban Tổng giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc như vốn công trình, nhân lực, trang thiết bị và các điều kiện khác tạo thuận lợi để công tác SXKD của Công ty có hiệu quả.

3. Công tác giám sát tài chính

Hội đồng quản trị đã ban hành các quy chế quản lý tài chính nội bộ nhằm tăng cường công tác giám sát tài chính; ban hành định mức, đơn giá nội bộ nhằm giảm chi phí,

gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Hội đồng quản trị luôn chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc hoàn thiện bộ máy làm công tác kế toán, đảm bảo quy chế kế toán lành mạnh, ổn định, chấp hành các quy định pháp luật. Công tác báo cáo tương đối kịp thời. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước. Đặc biệt, Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng giám đốc Công ty thường xuyên tuyên truyền CBCNV nâng cao trách nhiệm cá nhân, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, hoàn thành công việc được giao trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay.

4. Công tác đầu tư

Về đầu tư xây dựng cơ bản: Hội đồng quản trị đã phê duyệt và đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều chỉnh kịp thời kế hoạch theo chủ trương kiểm chế lạm phát của Chính phủ, phân tích, đánh giá hiệu quả các dự án, mức độ quan trọng các dự án để tạm dừng, giãn tiến độ do kém hiệu quả, để có kế hoạch đầu tư hợp lý, tránh đầu tư dàn trải. Năm 2011 HĐQT đã thống nhất: giãn tiến độ đầu tư dự án cây xăng Khai Sơn, các dự án: Khu Đô thị Dầu khí Vinh Tân, Cây xăng Nam Sơn hoàn thiện thủ tục và nghiên cứu phương án đầu tư hợp lý, tạm dừng đầu tư xây dựng Tòa nhà số 1 dự án Nghi Phú để tập trung hoàn thành và khai thác triệt để Tòa nhà số 2 dự án trên.

Về hợp tác đầu tư: Hội đồng quản trị đã thống nhất và quyết định hợp tác góp vốn với đối tác thành lập Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà An (PVIT chiếm 49% vốn điều lệ) và cử đại diện phần vốn góp của Công ty giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT và Kế toán trưởng Công ty Hà An. Hiện tại, công ty đang tiến hành khảo sát và nghiên cứu thực hiện dự án Thủy điện Bản Mới - Quế Phong.

5. Công tác cổ phiếu PXA trên sàn giao dịch chứng khoán

Năm 2011, Công ty luôn tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết như: Báo cáo tài chính quý/năm, Báo cáo giao dịch cổ phiếu nội bộ, Báo cáo về việc chốt danh sách cổ đông... và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội cũng như theo yêu cầu cung cấp thông tin của cổ đông.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt công tác đối ngoại, xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững, tin cậy với các chủ đầu tư, với các cơ quan quản lý Nhà nước, các Sở ban ngành địa phương và luôn tích cực tìm kiếm đối tác, thị trường mới.

**** Một số nguyên nhân tồn tại và bài học kinh nghiệm:***

Nguyên nhân tồn tại như sau:

- Công tác dự báo, định hướng chiến lược phát triển của Công ty thời gian qua chưa phù hợp với nhu cầu thực của thị trường;
- Công tác đầu tư dự án còn giàn trải, trong khi đó khả năng về tài chính của Công ty có hạn, công tác qui hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cán bộ còn hạn chế.
- Sự chỉ đạo, kiểm tra và giám sát của Hội đồng quản trị đôi lúc chưa thực sự quyết liệt dẫn đến kết quả hoạt động SXKD trong năm qua không đạt như mong muốn.

Bài học kinh nghiệm và kiến nghị.

1. Nâng cao năng lực dự báo thị trường, năng lực đấu thầu trong công tác xây lắp, xây dựng định hướng chiến lược phát triển của Công ty phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty và Tập đoàn trên cơ sở tận dụng tối đa nội lực của doanh nghiệp gắn với nhiệm vụ hoàn thành các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh;

2. Phân định rõ vai trò và trách nhiệm của các cá nhân lãnh đạo, các Phòng, Ban, Đơn vị trực thuộc sao cho phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động và chức năng nhiệm vụ của các Phòng, Ban đáp ứng yêu cầu công việc trong giai đoạn hiện nay.

3. Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh kịp thời các sai lệch trong quản lý điều hành của Công ty.

4. Thực hiện tốt việc quản lý, tổ chức SXKD khoa học, hợp lý và hiệu quả, tăng cường vai trò quản lý điều phối của Công ty đối với hoạt động SXKD của các Đơn vị trực thuộc, đẩy mạnh, củng cố và tổ chức tốt việc quản trị doanh nghiệp và quản trị tài chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

5. Thực hiện tốt công tác quản lý, qui hoạch, luân chuyển, đào tạo phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân lành nghề. Thường xuyên thực hiện việc đánh giá năng lực cán bộ, trên cơ sở đó đào tạo bồi dưỡng và bố trí cán bộ phù hợp với năng lực cán bộ.

6. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức tốt sự phối kết hợp giữa tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, thường xuyên phát động, tổ chức thực hiện và tổng kết các phong trào thi đua nhằm thực hiện tốt kế hoạch công tác đã đề ra. Không ngừng tìm kiếm các công trình, đem lại công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và quyền lợi cho các cổ đông.

C. KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2012

1. Kế hoạch năm 2012

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011, căn cứ tình hình và năng lực hiện tại của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty PVIT, cụ thể:

Bảng 9: Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Tỷ lệ tăng trưởng
A	B	C	1	2	3 = 2/1
1	Sản lượng	Tỷ đồng	145,15	302,00	208%
a	Xây lắp	Tỷ đồng	45,26	88,68	196%
b	Bất động sản + hoạt động khác	Tỷ đồng	99,89	213,32	214%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	96,64	248,77	257%
a	Xây lắp	Tỷ đồng	23,70	49,14	207%
b	Bất động sản	Tỷ đồng	72,94	199,63	274%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,34	23,02	363%
a	Xây lắp	Tỷ đồng	0,64	3,80	594%
b	Bất động sản	Tỷ đồng	5,70	19,22	337%

4	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	12,70	14,60	115%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	4,23	15,35	363%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,76	17,26	363%
a	Xây lắp	Tỷ đồng	0,48	2,85	594%
b	Bất động sản	Tỷ đồng	4,28	14,41	337%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	3,17	11,50	363%
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	2,5	10	400%
9	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	4,78	5,00	105%
10	Đầu tư tài sản cố định	Tỷ đồng	0,60	0,75	125%
11	Kế hoạch đào tạo	Triệu đồng	196	500	255 %

2. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2012

+ Tiếp tục kiện toàn và cơ cấu lại tổ chức bộ máy của Công ty cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty cổ phần theo đúng Luật doanh nghiệp. Không ngừng cải tiến phương thức quản lý tại Công ty theo hướng tinh gọn và chuyên sâu, sắp xếp bố trí cán bộ phòng/ban/đơn vị phù hợp, phát huy năng lực, sáng tạo và tính chủ động của mỗi CBCNV nhằm tăng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

+ Tập trung xây dựng, đào tạo và có chính sách thu hút đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật trình độ tay nghề cao. Chú trọng công tác nâng cao và đào tạo lại đội ngũ hiện có phù hợp với yêu cầu SXKD của Công ty.

+ Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý tài chính nội bộ của Công ty phù hợp nhằm tăng cường tình hình giám sát tài chính và kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Tiếp tục tăng cường rà soát tiến độ thực hiện các dự án để có kế hoạch đầu tư hợp lý, tránh đầu tư dàn trải đồng thời tích cực đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm đang triển khai và tìm kiếm các cơ hội đầu tư những dự án hiệu quả khác .

+ Tăng cường công tác giám sát, chỉ huy, điều hành nhất là các dự án trọng điểm của Công ty, của ngành đảm bảo yêu cầu chất lượng, an toàn, thẩm mỹ và bàn giao đúng tiến độ nâng cao uy tín và thương hiệu cho Công ty.

+ Chỉ đạo thực hiện các dự án trọng điểm lớn trong năm 2012 gồm: Dự án Tổ hợp DVTH, Chung cư cao cấp, văn phòng và nhà ở liền kề tại xã Nghi Phú; Khu đô thị Dầu khí Nghệ An tại Phường Vinh Tân, Dự án Resort Cửa Lò, Dự án Khu nhà ở thu nhập thấp cho CBCNV tại xã Hưng Lộc...

+ Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc đối với cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty.

PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Năm 2011, kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc khủng hoảng nợ công. Ngày 24/2/2011 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11 tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Trong đó, thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng; chính sách tài khóa thắt chặt, cắt giảm đầu tư công, giảm bội chi ngân sách nhà nước...

Sự thực thi các chính sách thắt chặt đã tác động sâu rộng tới toàn bộ nền kinh tế, nhất là những ảnh hưởng của nó tới các thị trường tài chính - tiền tệ, bất động sản và khu vực sản xuất gặp rất nhiều khó khăn...

Là một doanh nghiệp đại chúng, đã niêm yết giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2011, lĩnh vực hoạt động chính lại là kinh doanh Bất động sản, xây lắp Công trình nên hoạt động SXKD của Công ty chịu ảnh hưởng, tác động trực tiếp từ những khó khăn của nền kinh tế cả nước.

Tuy nhiên, trước những khó khăn thách thức trong năm 2011, Công ty đã luôn nhận được sự quan tâm tạo điều kiện của UBND tỉnh Nghệ An, các Sở/ Ban ngành có liên quan, các Đơn vị cấp trên và Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An với vai trò là cổ đông chi phối.

Bên cạnh đó là tinh thần đoàn kết thống nhất, sự nỗ lực quyết tâm phấn đấu của tập thể Cán bộ CNV Công ty để vượt qua thời kỳ khó khăn, làm tiền đề cho việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD trong những năm tiếp theo.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2011:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như sau:

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	Tỷ lệ so sánh	
						TH 2011/2010	TH 2011/ KH 2011
A	B	C	1	2	3	4= 3/1	5= 3/2
1.	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	225,96	380,00	145,15	64 %	38 %
2.	Doanh thu	Tỷ đồng	178,64	342,00	96,64	54 %	28 %
3.	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	108,00	150,00	150,00	139 %	100 %
4.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,08	22,35	6,34	52 %	28 %
5.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,06	16,76	4,76	52 %	28 %
6.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	8,39	11,20	3,17	38 %	28 %
7.	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	17,37	8,00	12,70	73 %	159 %

8.	Tỷ lệ chia cổ tức	%	5,0	10,00	2,5	50 %	25 %
9.	Đầu tư TSCĐ	Tỷ đồng	2,38	7,00	0,60	25 %	9 %
10.	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	4,80	5,00	4,78	99 %	96 %
11.	Kế hoạch đào tạo	Triệu đồng	315	473	196	62 %	41 %

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2011 đạt ở mức thấp so với kế hoạch đề ra, Ban Lãnh đạo Công ty nghiêm túc, thẳng thắn nhìn nhận một số tồn tại và nguyên nhân cụ thể như sau:

+ Về khách quan: Do tình hình kinh tế khó khăn, ảnh hưởng đến việc khai thác bất động sản, bán căn hộ và cho thuê văn phòng. Hợp đồng thuê mua 4 tầng TTTM Tòa nhà Dầu khí Nghệ An đã không thực hiện được do phía đối tác gặp khó khăn về vốn. Một số Hợp đồng mua bán căn hộ đã ký nhưng việc thu hồi công nợ cũng gặp rất nhiều khó khăn. Kế hoạch doanh thu năm 2011 từ lĩnh vực bất động sản là 225 tỷ đồng nhưng thực tế chỉ đạt được 66 tỷ đồng. Bên cạnh đó do lãi suất vay vốn tại các Ngân hàng để thực hiện dự án tăng cao nên ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty.

+ Về chủ quan: Chưa dự báo sát tình hình kinh tế xã hội, nhu cầu thị trường nên việc đưa ra kế hoạch doanh thu năm 2011 chủ yếu từ nguồn Kinh doanh bất động sản chưa sát, cộng với sự điều hành chỉ đạo chưa thật sự quyết liệt, chính sách kinh doanh, năng lực tiếp thị của đội ngũ kinh doanh bất động sản, bán hàng còn nhiều bất cập chưa bám sát nhu cầu, thị hiếu Khách hàng. Đối với lĩnh vực Xây lắp chủ yếu thực hiện các Công trình nối tiếp từ năm 2010 chuyển qua, chưa quan tâm đến công tác tiếp thị tìm kiếm các công trình mới. Các Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công gặp khó khăn trong huy động vốn, công tác kế hoạch, tổ chức thi công còn hạn chế nên các Công trình đều chậm tiến độ. Công tác chỉ đạo và thực hiện trong việc lập hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán tại các Công trình chậm nên giá trị doanh thu thấp hơn nhiều so với sản lượng thực hiện, chậm thu hồi công nợ. Tất cả các tồn tại và nguyên nhân cơ bản trên làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

III. ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

1. Công tác đầu tư dự án:

Trong năm 2011 Công ty đã và đang triển khai các dự án, cụ thể như sau:

- Dự án Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, với tổng mức đầu tư 630 tỷ đồng, đã hoàn thành và chính thức đưa vào khai thác, vận hành sử dụng trong năm 2011. Hiện nay các Bên liên quan đã cơ bản hoàn thành hồ sơ quyết toán Công trình, đang thực hiện kiểm toán các gói thầu và dự kiến phê duyệt giá trị kiểm toán trong tháng 5/2012.

- Dự án Tổ hợp dịch vụ, chung cư cao cấp, văn phòng và nhà ở liền kề Nghi Phú, với tổng mức đầu tư 245 tỷ đồng, Công ty giao cho các Xí nghiệp trực thuộc tự thực hiện thi công. Do nhu cầu thị trường và khó khăn trong việc huy động nguồn vốn nên tạm dừng đầu tư Tòa nhà số 1 trong năm 2011. Hiện nay, dự án đang hoàn thiện phần hạ tầng kỹ thuật và tập trung hoàn thiện xong Tòa nhà số 2 để bàn giao căn hộ cho Khách hàng

trong tháng 6/2012. Khẩn trương hoàn tất các thủ tục liên quan với khách hàng để triển khai xây dựng phần thân thô khu nhà liền kề và biệt thự của dự án, phần đầu hoàn thành trong năm 2012.

- Dự án Khu đô thị Dầu khí Vinh Tân với tổng mức đầu tư dự kiến 1.200 tỷ đồng, tổng diện tích quy hoạch gần 14,5 hecta. Trong năm 2011, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500; Được Thủ tướng Chính phủ cho phép chủ trương thu hồi đất nông nghiệp thuộc dự án, đã được thông qua phương án đền bù GPMB chi tiết và tiến hành niêm yết công khai phương án trước khi phê duyệt. Dự kiến trong năm 2012, căn cứ vào nhu cầu thị trường sẽ bắt đầu tiến hành đền bù GPMB và triển khai các Công việc tiếp theo.

- Dự án khu Resort và DVTH Cửa Lò, với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 400 tỷ đồng được quy hoạch trên diện tích 17hecta. Đến nay, quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 đã hoàn thành việc xin ý kiến đóng góp của Sở Xây dựng Nghệ An; Báo cáo Quy hoạch trước UBND Thị xã, Thị ủy và hiện đang chỉnh sửa để thông qua lần cuối trước khi phê duyệt. Dự kiến trong Quý I/2012, dự án sẽ được phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 để triển khai các bước tiếp theo.

- Dự án khu nhà ở thu nhập thấp và nhà ở CBCNV Dầu khí – Hưng Lộc với tổng mức đầu tư khoảng 450 tỷ đồng với diện tích quy hoạch gần 3,0 hecta. Hiện dự án đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chủ trương thu hồi đất nông nghiệp thuộc dự án và đang triển khai lập Quy hoạch chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Một số tồn tại cần khắc phục trong Công tác đầu tư Dự án.

- Chưa dự báo sát tình hình kinh tế xã hội và nhu cầu thị trường để đưa ra các quyết định phù hợp về việc tiếp tục đầu tư hay giãn tiến độ thực hiện Dự án.

- Thủ tục hồ sơ các dự án đều chậm và kéo dài, diễn hình như thủ tục cấp bìa đất để bàn giao mặt bằng cho khách hàng tại dự án Nghi Phú.

- Tiến độ thực hiện các dự án chậm từ các khâu làm thủ tục thủ tục, chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện, quản lý khai thác.

- Năng lực các Cán bộ thực hiện để kiểm soát được hiệu quả dự án trong tất cả các khâu từ công tác lập dự án đến việc triển khai thực hiện còn nhiều hạn chế.

2. Lĩnh vực Thi công Xây lắp:

- Trong năm 2011, Doanh thu từ lĩnh vực này chỉ đạt 23 tỷ trên 92 tỷ đồng. Công ty chủ yếu thi công và hoàn thiện các Công trình xây lắp được chuyển tiếp từ năm 2010 sang, như dự án Nghi Phú, một số hạng mục thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Công trình Tòa nhà văn phòng Sabetran Miền Bắc. Ký mới hợp đồng Thi công Nhà học 10 phòng Trường THCS Hương Khê – Hà Tĩnh, với giá trị hợp đồng 3,3 tỷ đồng. Tuy nhiên các Công trình này do nhiều nguyên nhân khác quan và chủ quan đều bị chậm tiến độ thi công.

- Hiện tại, Công ty đã ký kết thêm 01 hợp đồng và đang triển khai Thi công trường Tiểu học Làng Sen với giá trị 20 tỷ đồng, đồng thời đang triển khai tìm kiếm và tiếp cận các Công trình Xây lắp tại các dự án như: Trường Cao đẳng nghề Hàng hải, Bảo Việt

Thanh Hóa và một số Công việc Xây lắp khác tại dự án Trung tâm Điện lực Quảng Trạch - Quảng Bình.

Một số tồn tại cần khắc phục trong lĩnh vực Thi công Xây lắp.

- Công tác tìm kiếm Công việc trong lĩnh vực Xây lắp của Công ty còn bị hạn chế dẫn đến cơ cấu Sản lượng đối với lĩnh vực này đạt thấp, đặc biệt chưa được lãnh đạo các Xí nghiệp quan tâm đúng mức; hầu hết là trông chờ vào các Công việc do Công ty giao.

- Năng lực hoạt động trong lĩnh vực xây lắp của Công ty chưa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thị trường về trang thiết bị cũng như con người; trong đó tồn tại lớn nhất là chưa chủ động được về lực lượng công nhân lành nghề.

- Các Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công còn nhiều hạn chế trong công tác kế hoạch, tổ chức thi công, lập hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán tại các Công trình nên các Công trình đều chậm tiến độ, giá trị doanh thu đạt được thấp hơn nhiều so với sản lượng thực hiện, công tác thu hồi vốn chậm trễ.

3. Lĩnh vực kinh doanh Bất động sản:

- Năm 2011 là một năm rất khó khăn cho hoạt động Kinh doanh BĐS, thị trường rất ảm đạm và có lúc đóng băng, Công ty chỉ ký kết được 13 hợp đồng mua bán căn hộ chung cư TNDK (tổng hợp đồng đã ký 73/126 căn hộ), 20 hợp đồng mua bán căn hộ chung cư Nghi Phú (tổng hợp đồng đã ký 31/117 căn hộ). Hợp đồng thuê mua 4 tầng TTTM Tòa nhà Dầu khí Nghệ An đã không thực hiện được. Việc tìm kiếm các đối tác thuê mua TTTM và VPCT tại dự án TNDK gặp nhiều khó khăn. Công ty đã chuyển đổi mô hình hoạt động của sàn GDBĐS trở thành đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động với phương châm cung cấp sản phẩm bất động sản do Công ty đầu tư ra thị trường, đồng thời khai thác tìm kiếm nguồn sản phẩm của các bạn hàng và sàn khác nhằm tăng doanh thu cho Công ty.

- Năm 2011, Công ty đã thành lập Ban QLTNDKNA với phương châm lấy dịch vụ quản lý Tòa nhà, chăm sóc khách hàng tại TNDKNA làm tiêu chí cạnh tranh để tạo thương hiệu thu hút khách hàng đến với các dự án của Công ty.

- Hiện nay Công ty đang khẩn trương đẩy mạnh công tác tiếp thị, khuyến mãi, đãi ngộ sau bán hàng nhằm khai thác hết các sản phẩm dự án đã hoàn thành để thu hồi vốn và hoàn tất các thủ tục liên quan để đối trừ công nợ giữa Công ty với các Nhà thầu thực hiện dự án và Ngân hàng thu xếp vốn cho Dự án.

Một số tồn tại cần khắc phục trong lĩnh vực Kinh doanh bất động sản.

- Bên cạnh những nguyên nhân khách quan bên ngoài tác động thì hoạt động của Sàn GDBĐS trong năm 2011 vẫn chưa thực sự hiệu quả, quy mô và hình thức hoạt động còn thụ động;

- Chưa bắt nhịp được với nhu cầu thị trường, thị hiếu Khách hàng để đẩy mạnh công tác tiếp thị, khuyến mãi, đãi ngộ Khách hàng; chưa khai thác được thế mạnh trong các doanh nghiệp cùng ngành nghề kinh doanh BĐS.

4. Công tác tài chính, tín dụng:

- Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh chế độ và chính sách tài chính, thực hiện công tác báo cáo tài chính thường xuyên, định kỳ đúng theo yêu cầu của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Đã hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế về quản lý tài chính nội bộ, hoàn thành sổ liệu tài chính đúng thời gian quy định của Ủy ban chứng khoán và các cơ quan chủ quản.

- Tăng cường việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đúng các yêu cầu quản lý tài chính của Nhà nước.

- Tuy có những thời điểm có khó khăn về nguồn vốn nhưng đã thu xếp kịp thời đảm bảo cho hoạt động SXKD; Thực hiện tương đối đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và cơ quan cấp trên;

Tuy nhiên, hiện tại về lĩnh vực này, Công ty vẫn còn những tồn tại hạn chế, như công tác thu hồi công nợ, Việc thực hiện kiểm tra giám sát tình hình tài chính của các Đơn vị trực thuộc vẫn còn bất cập.

5. Công tác Tổ chức , sắp xếp đổi mới và phát triển doanh nghiệp:

- Thực hiện lộ trình kiện toàn công tác tổ chức cán bộ, đổi mới công tác quản lý, công tác điều hành cho phù hợp với mô hình hoạt động mới. Năm 2011, Công ty đã thành lập mới Ban QLTKNA; thành lập bộ phận chuyên trách khai thác TTTM và VPCT dự án TKNA; sản GDBBĐS được chuyển đổi mô hình hoạt động trở thành đơn vị hạch toán độc lập; bổ nhiệm 10 cán bộ lãnh đạo giữ các vị trí Trưởng/ phó các Phòng/ Ban, Giám đốc/ Phó giám đốc các Đơn vị trực thuộc.

- Tuy gặp nhiều khó khăn thách thức, Công ty vẫn bảo đảm việc làm ổn định cho người lao động với mức thu nhập bình quân năm 2011 đạt 4,78 triệu đồng/người/tháng; thực hiện đóng đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho CBCNV và đóng 100% BHYT năm 2011 để phục vụ cấp Thẻ khám chữa bệnh phát cho CBCNV; các chế độ nâng lương, nâng bậc hàng năm, bình xét thi đua, khen thưởng... được Công ty thực hiện nghiêm túc, đảm bảo quyền lợi chế độ cho người lao động một cách kịp thời, chính xác, đúng đối tượng và quy định của Nhà nước.

- Trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Năm 2011, Công ty đã tổ chức cho Cán bộ, chuyên viên tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn như: Bồi dưỡng nghiệp vụ QLDA, đấu thầu, Giám sát Công trình, Chỉ huy trưởng Công trường do Tổng Công ty và các Đơn vị khác tổ chức; đã mở lớp tập huấn PCCC và cứu nạn cứu hộ tại Toàn nhà DKNA.

- Từ tháng 2/2011, Công ty chính thức đi vào hoạt động tại trụ sở mới ở Tầng 23, 24 Toà nhà Dầu khí Nghệ An. Việc chuyển đến trụ sở mới đã tạo ra một môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp cho các CBCNV cơ quan Công ty và nâng vị thế của Công ty lên một tầm cao mới.

- Về Công tác đổi mới doanh nghiệp: Công ty đã phát hành thành công đợt bổ sung tăng vốn điều lệ từ 108 lên 150 tỷ đồng, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra về tăng vốn; hoàn thành sổ liệu niêm yết cổ phiếu bổ sung lên Sàn chứng khoán. Đến nay 15.000.000 Cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tiến

hành các thủ tục tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà An để thực hiện dự án thủy điện tại Quế Phong- Nghệ An.

Một số tồn tại trong công tác tổ chức.

- Công tác tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động còn nhiều bị động, đôi khi còn mang tính mùa vụ và chưa có chiến lược hoạch định lâu dài, dẫn đến các Xí nghiệp trực thuộc còn thiếu lực lượng lao động lành nghề, không đảm bảo tiến độ và chất lượng tại các Công trình thi công.

- Chính sách thu hút nguồn nhân lực và năng lực quản lý còn có nhiều hạn chế; việc sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực chưa được chú trọng;

- Công tác tổ chức còn chậm được đổi mới, tạo sức ỳ trong hoạt động SXKD của đơn vị.

6. Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng và an toàn lao động:

- Xác định việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ là đòn bẩy quan trọng giúp Công ty phát triển đủ sức cạnh tranh với các Doanh nghiệp trong và ngoài khu vực, Công ty đã xây dựng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và đang áp dụng đồng bộ hệ thống cho các Phòng/ Ban/ Đơn vị trong toàn Công ty.

- Thực hiện nghiêm túc công tác an toàn lao động, khám sức khỏe định kỳ, bảo hộ lao động; đảm bảo trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Công ty đã thiết lập và duy trì đội ngũ cán bộ làm công tác an toàn lao động từ Công ty tới các Xí nghiệp và các Công trình đang thi công. Công ty đã ban hành chính sách an toàn lao động để áp dụng trong toàn Công ty, ban hành các quy định về trang bị bảo hộ lao động, các quy phạm về an toàn lao động.

Một số tồn tại.

- Công tác lập hồ sơ quản lý chất lượng, khối lượng và hồ sơ thanh toán, phục vụ thu hồi vốn còn chậm và thiếu đồng bộ.

- Trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế, thiếu năng động, linh hoạt và tác phong làm việc chưa thực sự chuyên nghiệp.

Tóm lại, năm 2011 đi qua với nhiều khó khăn và thử thách, các chỉ tiêu SXKD đã đạt được không như mong đợi so Kế hoạch đã đề ra. Tập thể Công ty đã đánh giá các nguyên nhân, thẳng thắn thừa nhận các tồn tại để cùng cố gắng phấn đấu khắc phục trong thời gian tới, nhằm Xây dựng và phát triển thương hiệu Công ty, tạo bước phát triển bền vững, từng bước nâng cao đời sống cho CBCNV, đảm bảo quyền lợi cho các Cổ đông và Nhà Đầu tư.

B. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2012 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Nhìn chung, diễn biến kinh tế nước ta vào thời điểm cuối năm 2011 đang có những tín hiệu tích cực. Tuy nhiên, những tồn tại yếu kém của nền kinh tế đang bộc lộ ngày càng rõ nét. Trong năm 2012, Chính phủ vẫn xác định mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì mức độ tăng trưởng ở mức hợp lý. Với nhận định đó, trong năm 2012 kế hoạch phát triển của Công ty như sau:

1. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An trở thành một đơn vị chuyên nghiệp trong lĩnh vực đầu tư, Kinh doanh bất động sản và Xây lắp. Chiến lược đề ra là duy trì ổn định lĩnh vực đầu tư, Kinh doanh bất động sản, triển khai các dự án một cách hiệu quả, nâng cao hơn nữa năng lực trong hoạt động Xây lắp, tiếp cận và thi công các Công trình lớn. Xây dựng và phát triển thương hiệu Công ty, từng bước nâng cao đời sống cho CBCNV, tạo bước phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể trong năm 2012:

Phát huy những kết quả đã đạt được, nghiêm túc đánh giá những tồn tại trong năm 2011, dự báo những thuận lợi và khó khăn sắp tới, bước vào năm 2012 Công ty sẽ thực hiện những mục tiêu cụ thể sau đây:

- Tập trung vào 2 lĩnh vực chính là Kinh doanh bất động sản và Xây lắp, trong đó Kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng lớn hơn, tăng tỷ trọng Xây lắp so với các năm trước. Tăng cường đầu tư và hợp tác đầu tư, chuyển dịch cơ cấu SXKD vào lĩnh vực Xây lắp (thi công các Công trình dân dụng, Công nghiệp, giao thông, hạ tầng), giữ vững thương hiệu trong lĩnh vực Kinh doanh bất động sản;

- Duy trì tốc độ tăng trưởng về mọi mặt, đảm bảo công ăn việc làm và cải thiện thu nhập cho Cán bộ Công nhân viên;

- Trong hoạt động Xây lắp: Hoàn thành dứt điểm các Công trình, dự án đang thi công dở dang. Tập trung thu hồi công nợ tại các Công trình dự án đã thi công xong, giảm lãi vay ngân hàng, xoá nợ quá hạn. Nâng cao năng lực thi công xây lắp nhằm nâng cao giá trị sản lượng và doanh thu trong năm 2012. Chủ động làm việc với Tổng Công ty PVC và PVNC, tiếp cận để thực hiện các dự án trong ngành nhằm đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra. Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Đối với các đối tác ngoài ngành: Nâng cao mối quan hệ với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, gây dựng uy tín qua hiệu quả công việc, xác định đây là đối tác tiềm năng trong việc giao nhận xây lắp các Công trình.

- Trong hoạt động Kinh doanh bất động sản: Rà soát và thẩm tra cụ thể chi tiết các dự án về phương án đầu tư, lập quy hoạch, giải pháp thiết kế, khẳng định hiệu quả trước khi triển khai thực hiện đầu tư. Đây là nhiệm vụ then chốt quyết định đến sự phát triển bền vững của Công ty.

Tổ chức khai thác hiệu quả các dự án, đối với dự án Tòa nhà Dầu khí Nghệ An phần đầu khai trương Trung tâm thương mại trong tháng 8/2012, đối với dự án Nghi Phú hoàn thành và bàn giao Tòa nhà số 02, triển khai xây dựng phần thân thô khu liên kề và biệt thự của dự án. Đối với các dự án Khu đô thị Dầu khí Vinh Tân; Khu đô thị Hưng Lộc và dự án Resort Cửa Lò hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan, đền bù giải phóng mặt bằng, ưu tiên triển khai thực hiện dự án Khu đô thị Hưng Lộc trong năm 2012.

- Tăng cường công tác hạch toán kinh doanh; xây dựng và ban hành định mức đơn giá nội bộ để quản lý chi phí. Thực hành tiết kiệm, giảm chi phí sản xuất, đảm bảo SXKD có hiệu quả cao.

- Hoàn thiện các quy chế, quy định về công tác quản lý điều hành đối với doanh nghiệp sau niêm yết. Nâng cao trình độ, chất lượng quản trị doanh nghiệp và tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động; khắc phục những tồn tại yếu kém, để không ngừng nâng cao hiệu quả SXKD.

- Phát huy tối đa vai trò của các tổ chức Đoàn thể, tích cực vận động CBCNV tập trung trí tuệ, sức lực để hoàn thành các chỉ tiêu KH SXKD năm 2012.

3. Các chỉ tiêu chính và nhiệm vụ trọng tâm:

a. Các chỉ tiêu chính.

Căn cứ vào kết quả thực hiện SXKD năm 2011, tình hình thực tế, chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2010- 2015, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2012 với các chỉ tiêu cơ bản sau đây:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Tốc độ tăng trưởng
A	B	C	1	2	3 = 2/1
1	Sản lượng	Tỷ đồng	145,15	302,00	208%
a	Xây lắp	Tỷ đồng	45,26	88,68	196%
b	Bất động sản + hoạt động khác	Tỷ đồng	99,89	213,32	214%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	96,64	248,77	257%
a	Xây lắp	Tỷ đồng	23,70	49,14	207%
b	Bất động sản	Tỷ đồng	72,94	199,63	274%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,34	23,02	363%
a	Xây lắp	Tỷ đồng	0,64	3,80	594%
b	Bất động sản	Tỷ đồng	5,70	19,22	337%
4	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	12,70	14,60	115%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	4,23	15,35	363%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,76	17,26	363%
a	Xây lắp	Tỷ đồng	0,48	2,85	594%
b	Bất động sản	Tỷ đồng	4,28	14,41	337%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	3,17	11,50	363%
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	2,5	10,0	400%
9	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	4,78	5,00	105%
10	Đầu tư tài sản cố định	Tỷ đồng	0,60	0,75	125%
11	Kế hoạch đào tạo	Triệu đồng	196	500	255 %

b. Nhiệm vụ trọng tâm 2012.

Thứ nhất: Công ty phát huy tinh thần đoàn kết, năng động, huy động mọi nguồn lực, quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2012 như đã đề ra ở trên.

Thứ hai: Tổ chức chuẩn bị tốt về các điều kiện nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị thi công... để có thể triển khai đảm bảo tiến độ các Công trình, dự án. Trong trường hợp cần thiết, sẽ có phương án điều phối nhân lực và thiết bị giữa các Đơn vị để đạt tiến độ đề ra.

Thứ ba: Tập trung phát triển nguồn lực nhằm đáp ứng các yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, chú trọng phát triển nhân lực kỹ thuật, có tay nghề trong lĩnh vực xây lắp các Công trình dân dụng, Công nghiệp.

Thứ tư: Tiếp tục triển khai thực hiện việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo hướng tinh gọn bộ máy, phát huy tính độc lập của các Đơn vị trong Công ty.

Thứ năm: Củng cố, hoàn thiện công tác quản lý kinh tế nội bộ. Tăng cường kiểm soát trong quá trình triển khai thực hiện công việc từ khâu giao việc đến khâu nghiệm thu thanh quyết toán. Đồng thời tiếp tục tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác nghiệm thu thanh quyết toán, thu hồi vốn và công nợ.

Thứ sáu: Nâng cao năng lực bộ máy tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm công việc mới, đảm bảo việc làm cho người lao động. Quyết tâm khai thác hiệu quả dự án Toà nhà Dầu khí Nghệ An và Nghi Phú. Trong năm 2012 phấn đấu hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và triển khai thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại xã Hưng Lộc.

Thứ bảy: Cân đối, thu xếp vốn để đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD.

4. Giải pháp thực hiện:

Để hoàn thành được kế hoạch SXKD năm 2012, Công ty cần xây dựng các giải pháp thực hiện đồng bộ, trong đó đặc biệt tập trung vào các yếu tố “Nhân lực, khoa học quản lý, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và nâng cao văn hóa doanh nghiệp”, coi đây là các yếu tố nền tảng, có tính quyết định tới việc hoàn thành kế hoạch SXKD đã đề ra. Các nhóm giải pháp cụ thể như sau:

a. Về công tác tổ chức và quản lý

- Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức quản lý, phân cấp phân quyền cho các đơn vị trực thuộc chủ động và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, đặc biệt là đối với doanh nghiệp sau niêm yết để đạt mục tiêu hiệu quả kinh tế trong từng công việc, hợp đồng và các dự án; chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát và công tác hạch toán kinh tế, quản lý tài chính, thực hiện theo đúng chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.

- Không ngừng cải tiến phương thức quản lý của Công ty theo hướng gọn nhẹ và chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý, rà soát lại nhiệm vụ của các bộ phận để phân công và bố trí từng con người cụ thể phù hợp với khả năng và chuyên môn của mình.

- Làm tốt công tác tuyển dụng và đãi ngộ hợp lý đối với khả năng của mỗi người. Duy trì việc thực hiện các nội qui, qui định của Công ty. Thực hiện tốt các chế độ chính sách của Nhà nước cũng như công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật kịp thời.

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và an toàn lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động; tăng cường công tác quản lý chất lượng trên các Công trình,

công tác quản lý các dự án đầu tư; tăng cường cán bộ kỹ thuật cho các đơn vị thi công, tư đảm bảo công tác xây lắp của Công ty đúng tiến độ, có chất lượng cao.

- Tăng cường công tác tìm kiếm công việc, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho CBCNV; sửa đổi quy chế tiền lương phù hợp với quy định và sự phát triển của đơn vị; xây dựng chiến lược kinh doanh trung hạn và dài hạn của Công ty. Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện Điều lệ, các quy chế quản trị nội bộ cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động của Công ty.

- Duy trì, phát huy công tác đoàn kết nội bộ, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, coi đây là yếu tố yếu tố quan trọng quyết định thắng lợi nhiệm vụ SXKD và tạo bản sắc riêng cho Công ty.

b. Về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục nâng cao kỹ năng quản trị nguồn nhân lực, luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố hàng đầu để giúp Công ty phát triển; Củng cố sắp xếp lại tổ chức, đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý cho các bộ phận và con người cụ thể.

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn hoá các chức danh, nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của CBCNV, sắp xếp bố trí lại cán bộ các Phòng/ Ban, Đơn vị phù hợp với năng lực sở trường của từng người nhằm phát huy hết mọi khả năng của CBCNV, nâng cao tính sáng tạo và chủ động của mỗi cá nhân.

- Xây dựng chính sách tuyển dụng, thu hút nhân tài có trình độ, kinh nghiệm và năng lực quản lý; sử dụng lao động một cách hợp lý và có hiệu quả trong hoạt động SXKD của Đơn vị; công tác đánh giá cán bộ cần được làm thường xuyên trên tinh thần xây dựng và hợp tác; chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư và người lao động nhằm nâng cao kiến thức lãnh đạo quản lý, tay nghề phù hợp với xu thế phát triển của xã hội và yêu cầu SXKD của Công ty.

c. Về Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất

- Nắm bắt kịp thời các biến động của thị trường để điều hành sản xuất phù hợp với thực tế.

- Tăng cường sự chỉ đạo tập trung thống nhất, kiện toàn bộ máy điều hành và quản lý, phân công theo hướng phân cấp, tự chủ tự chịu trách nhiệm của các Phòng/ Ban, Đơn vị trực thuộc Công ty.

- Duy trì giao ban hàng tuần, hàng tháng tại các Đơn vị sản xuất cũng như Công ty để xử lý kịp thời, dứt điểm các phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý và theo dõi thực hiện các dự án, Công trình, nâng cao năng lực quản lý giám sát kỹ thuật, chất lượng Công trình, nâng cao uy tín và thương hiệu của Công ty.

- Thực hiện tốt cho công tác tổ chức sản xuất về năng lực máy móc thiết bị, nguồn lực cho việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD. Nâng cao chất lượng hiệu quả từ khâu đầu thầu và tiếp thị tìm kiếm việc làm, thương thảo hợp đồng đến khâu lập phương án kinh tế, hợp đồng giao việc, quản lý, tổ chức thi công, thanh quyết toán, thu hồi vốn.

d. Về Công tác đầu tư, khai thác dự án

- Nâng cao năng lực quản lý dự án đầu tư, tăng cường công tác quản lý đầu tư tại các dự án, đảm bảo thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục đúng quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

- Tập trung nghiên cứu nhu cầu thị trường để rà soát và tính toán chi tiết các dự án đang chuẩn bị đầu tư để khẳng định hiệu quả trước khi quyết định đầu tư. Bám sát diễn biến của thị trường để có những quyết sách phù hợp.

- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công, tập trung đầu tư vào các thiết bị phục vụ trong lĩnh vực xây lắp để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tập trung tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của UBND tỉnh Nghệ An; của các Đơn vị cấp trên, quan hệ mật thiết với các Đơn vị trong ngành, tận dụng mọi tiềm năng sẵn có của mỗi Bên để xây dựng chiến lược phát triển lâu dài, thường xuyên hỗ trợ lẫn nhau trong các lĩnh vực SXKD. Xúc tiến các dự án, liên danh, liên kết tạo nên sức mạnh thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển để đạt được hiệu quả cao nhất trong SXKD.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý đầu tư và quy chế quản lý sau đầu tư đối với các dự án đã đưa vào khai thác nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong Công ty.

- Đẩy mạnh công tác quảng bá, tiếp thị thu hút khách hàng đồng thời nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng xây dựng hình ảnh, thương hiệu của Công ty.

e. Về Công tác kinh tế - tài chính

- Tăng cường thực hiện đúng các yêu cầu quản lý tài chính của Nhà nước, của Công ty và Tổng Công ty. Quản lý thu chi vận hành vốn có hiệu quả.

- Tăng cường thu hồi vốn, thu hồi công nợ, đây là vấn đề quan trọng đối với đơn vị để làm giảm chi phí vì lãi vay Ngân hàng và những chi phí khác đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Sử dụng vốn đầu tư, vốn vay đạt hiệu quả cao nhất.

- Kiện toàn bộ máy Tài chính - Kế toán nhằm đảm bảo công tác quản lý Tài chính kế toán có khoa học, chất lượng và hiệu quả. Tiếp tục hoàn thiện quy trình quản trị nội bộ và hạch toán kế toán đáp ứng nhu cầu chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.

- Thu xếp kịp thời các nguồn vốn phục vụ cho nhu cầu SXKD, đặc biệt là nguồn vốn phục vụ các Công trình do Công ty tham gia thi công và để triển khai các dự án đầu tư của Công ty trong năm 2012.

- Thường xuyên rà soát, phân tích và đánh giá đúng thực trạng của tình hình SXKD tạo cơ sở cho việc xử lý tài chính một cách linh hoạt, hiệu quả và kịp thời.

f. Về công tác kỹ thuật, khoa học công nghệ, chất lượng và ATLĐ

- Tiếp tục hoàn thiện và áp dụng đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong toàn Công ty.

- Tăng cường cập nhật, ứng dụng các công nghệ quản lý dự án, quản lý sản xuất và các công nghệ thi công tiên tiến vào trong các dự án, Công trình thi công của Công ty.

- Lập kế hoạch triển khai thực hiện đồng bộ kế hoạch cho từng Công trình, dự án và từng hợp đồng cụ thể.

- Thường xuyên nắm bắt kịp thời các thông tin, sự biến động giá cả vật tư, những quyết định, nghị định, chỉ thị của Chính phủ, các Bộ ngành để có giải pháp cụ thể kịp thời cho hoạt động SXKD.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy trình, quy phạm trong xây lắp theo đúng quy định của Nhà nước, tăng cường công tác giám sát trong thi công, duy trì mạng lưới ATLĐ từ Công ty đến các Đơn vị và các Công trình xây dựng. Thường xuyên kiểm tra và cương quyết đình chỉ các đơn vị thi công không đảm bảo ATLĐ, thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ tại các đơn vị, các Tòa nhà chung cư.

- Đảm bảo toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo các chính sách và quy trình về an toàn lao động, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

C. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2012 – 2015

I/ NHẬN ĐỊNH VỀ BỐI CẢNH TÌNH HÌNH GIAI ĐOẠN 2012- 2015

1. Thời cơ:

Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về hội nhập kinh tế Thế giới là điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp;

Thương hiệu và uy tín của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An luôn được giữ vững và ngày càng được nâng cao là cơ sở tiền đề cho việc xây dựng thương hiệu và hoạt động SXKD của các doanh nghiệp trong Ngành, trong Tổng công ty;

Thương hiệu và uy tín hoạt động của Công ty đã được khẳng định trên địa bàn của tỉnh Nghệ An; các dự án mà Công ty đã, đang và chuẩn bị đầu tư trên địa bàn tỉnh nhà mang lại lợi ích kinh tế, xã hội; đáp ứng chủ trương hợp tác toàn diện giữa Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và tỉnh Nghệ An nên được lãnh đạo địa phương quan tâm ủng hộ.

2. Thách thức:

Nền kinh tế Thế giới và trong nước tuy đang trong giai đoạn khủng hoảng, nguy cơ lạm phát đang tiềm ẩn, giá cả có xu hướng tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và khả năng cạnh tranh.

II/ MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Tập trung xây dựng Đảng bộ vững mạnh toàn diện, thực sự là hạt nhân chính trị lãnh đạo Công ty thực hiện hoàn thành nhiệm vụ SXKD và các chỉ tiêu kinh tế trong giai đoạn 2012-2015, xây dựng và phát triển Công ty trở thành đơn vị Đầu tư & Thương mại chuyên nghiệp đứng top đầu khu vực Bắc Trung bộ, hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước, không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động, thực hiện công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn và các hoạt động từ thiện xã hội, tích cực đóng góp vào việc giữ gìn và nâng cao thương hiệu, uy tín của Tập đoàn, của Tổng công ty.

2. Mục tiêu cụ thể thực hiện nhiệm vụ SXKD:

Bảng 12: Dự kiến kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012-2015

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	150	200	200	350
2	Tổng giá trị sản lượng (tỷ đồng)	302	650	850	1.100
3	Doanh thu (tỷ đồng)	248,77	600	765	1000
4	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	19,00	35	40	45
5	Lương bình quân (Trđ/người/tháng)	5,00	8,5	10,0	12,0

III/ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

a. Chiến lược và nguyên tắc phát triển

Vận dụng và thực hiện theo chiến lược và nguyên tắc phát triển của Tập đoàn, của Tổng Công ty vào điều kiện cụ thể của Công ty;

Tập trung đầu tư và phát triển SXKD theo ngành nghề, chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Công ty, từng bước mở rộng hoạt động thương mại, dịch vụ;

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, bảo đảm mức tăng trưởng từ 20 đến 30%/năm, phấn đấu hoàn thành tốt các nghĩa vụ với Nhà nước; thường xuyên giáo dục nâng cao phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện công tác an sinh xã hội, góp phần nâng cao thương hiệu và uy tín của Ngành, của Tổng công ty.

b. Công tác tổ chức quản lý, đổi mới doanh nghiệp

Công ty đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, biên chế, tiêu chuẩn chức danh cho các Phòng, Ban, Đơn vị trực thuộc. Tuy vậy để phù hợp tình hình, nhiệm vụ từng thời kỳ và yêu cầu không ngừng đổi mới hoạt động của doanh nghiệp, vì vậy hàng năm cần thực hiện việc điều chỉnh, sửa đổi bảo đảm công tác tổ chức quản lý thông suốt, thống nhất; bộ máy quản lý tinh, gọn và hiệu quả;

Xây dựng tiêu chí và có chế độ khuyến khích yêu cầu mỗi người, trước hết là các cán bộ chủ chốt của Công ty, của các Phòng, Ban, Đơn vị trực thuộc không ngừng học tập nâng cao trình độ về mọi mặt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển của Công ty;

Có kế hoạch tổ chức tham quan, tìm hiểu, học tập các mô hình tổ chức quản lý tiên tiến của các đơn vị trong và ngoài ngành để vận dụng thực hiện vào điều kiện cụ thể của Công ty.

c. Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ CBCNV hiện có của Công ty cả về đạo đức, phẩm chất chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và khả năng xử lý công việc linh hoạt trong từng điều kiện cụ thể bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao;

- Công ty luôn tạo điều kiện cho mỗi cán bộ được thử thách, rèn luyện và phấn đấu trưởng thành;

- Việc tiếp nhận, tuyển dụng thêm cán bộ hàng năm phải tuân thủ Quy chế của Công ty, phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của Phòng, Ban, Đơn vị; người được tiếp nhận, tuyển dụng phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

d. Áp dụng khoa học công nghệ

Khoa học và công nghệ đang trở thành động lực chủ yếu trong quá trình phát triển của xã hội nói chung và sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng, vì vậy đòi hỏi mỗi CBCNV, trước hết là cán bộ, đảng viên trong quá trình hoạt động của mình phải thường xuyên tìm tòi, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ mới trong lĩnh vực kỹ thuật và cả trong lĩnh vực tổ chức quản lý tạo ra năng suất và hiệu quả ngày càng cao.

e. Công tác đầu tư, phát triển thị trường

** Công tác đầu tư:*

Tiếp tục triển khai công tác đầu tư các dự án theo thứ tự ưu tiên trọng tâm như sau:

- Dự án Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, chung cư cao cấp, văn phòng và nhà ở liền kề Nghi Phú, thành phố Vinh. Trong năm 2011 phần đầu hoàn thành bàn giao hai toà tháp 11 tầng, 16 nhà ở kết hợp thương mại, hạ tầng kỹ thuật và tiến hành bán hết các căn hộ.

- Triển khai đầu tư dự án Trạm cung cấp xăng dầu và dịch vụ tổng hợp tại huyện Đô Lương và huyện Anh Sơn;

- Xúc tiến đầu tư dự án Khu đô thị Dầu khí Vinh Tân, thành phố Vinh;

- Hoàn tất các thủ tục để triển khai thi công một số dự án khác như Dự Án Khu Resort và Dịch vụ tổng hợp Cửa Lò, Khu nhà ở thu nhập thấp và nhà ở CBCNV Dầu khí - Hưng Lộc- Nghiên cứu, xem xét, tìm kiếm cơ hội đầu tư một số dự án khác...

** Công tác tài chính kế toán:*

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính kế toán có nhiệm vụ xây dựng phương án và thực hiện việc thu xếp cung ứng đủ, kịp thời vốn cho các dự án đầu tư, cho các hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ của Công ty. Thực hiện chế độ hạch toán kế toán, kiểm tra giám sát để việc sử dụng đồng vốn đúng mục đích, có hiệu quả;

Từng bước nâng vốn điều lệ của Công ty, triển khai việc khai thác thêm nguồn tài chính từ bên ngoài để phát triển thông qua hình thức liên doanh, liên kết;

** Liên doanh liên kết, phát triển thị trường:*

Xúc tiến tìm hiểu các đơn vị trong và ngoài ngành để thực hiện các dự án SXKD theo hình thức liên doanh liên kết nhằm khai thác vốn và lợi thế của mỗi bên, bảo đảm các bên cùng có lợi.

**PHẦN IV.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH,
BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

Tháng 2 năm 2012

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đường Hùng Cường	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2011)
Ông Đồng Xuân Bình	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2011)
Ông Trương Đại Hoàng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2011)
Ông Phan Hải Triều	Ủy viên
Ông Lê Phi Hùng	Ủy viên
Ông Trần Đình Quang	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2011)

Ban giám đốc

Ông Lê Phi Hùng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2011)
Ông Đường Hùng Cường	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2011)
Ông Trần Hoàng Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Quang	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lê Phi Hùng

Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 23 tháng 2 năm 2012

Số: /2012/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 23 tháng 02 năm 2012 từ trang 5 đến trang 20 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc Kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 170.513.329.779 đồng. Điều này dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Ban Giám đốc Công ty lên phương án xin gia hạn các khoản nợ và vay đến hạn để có thời gian thu xếp trả nợ. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Do bản chất của sự việc, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của vấn đề này đến quá trình lập Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài trừ ảnh hưởng của hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành các quy định pháp lý có liên quan.

Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFC)**

Phạm Tiến Dũng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.689.790.045	109.502.878.698
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.372.984.139	27.831.367.481
1. Tiền	111		1.372.984.139	9.831.367.481
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	18.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	4.098.555.908
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	4.098.555.908
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.018.489.804	56.944.650.870
1. Phải thu khách hàng	131		12.048.154.282	36.430.725.682
2. Trả trước cho người bán	132		6.427.021.625	11.728.660.948
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	11.543.313.897	8.785.264.240
IV. Hàng tồn kho	140		10.490.715.650	16.282.004.189
1. Hàng tồn kho	141	V.4	10.490.715.650	16.282.004.189
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.807.600.452	4.346.300.250
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	127.633.072
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	450.650.810
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.416.372	163.636.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	9.805.184.080	3.604.380.368
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		512.724.635.961	376.100.453.039
II. Tài sản cố định	220		506.616.462.430	372.205.634.418
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	3.170.076.564	4.810.601.168
- Nguyên giá	222		5.233.015.058	6.369.240.951
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.062.938.494)	(1.558.639.783)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	503.446.385.866	367.395.033.250
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.108.173.531	3.894.818.621
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	6.108.173.531	3.894.818.621
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		564.414.426.006	485.603.331.737

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		406.771.268.381	364.050.732.631
I. Nợ ngắn hạn	310		222.203.119.824	69.259.090.205
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	92.846.896.769	-
2. Phải trả người bán	312		61.614.550.796	21.873.677.194
3. Người mua trả tiền trước	313		14.278.910.621	7.318.205.025
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2.413.030.883	2.630.573.926
5. Phải trả người lao động	315		2.012.368.619	1.248.699.482
6. Chi phí phải trả	316	V.11	48.035.209.534	35.585.966.734
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.12	353.002.352	47.900.586
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		649.150.250	554.067.258
II. Nợ dài hạn	330		184.568.148.557	294.791.642.426
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	184.568.148.557	294.791.642.426
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		157.643.157.625	121.552.599.106
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	157.643.157.625	121.552.599.106
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	114.015.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		861.600.000	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.140.309.292	472.033.628
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		994.042.926	356.284.816
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.647.205.407	6.708.980.662
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		564.414.426.006	485.603.331.737

Lê Phi Hùng
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 23 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Văn Phóng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	91.932.413.259	178.646.999.181
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.932.413.259	178.646.999.181
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	81.744.501.269	163.257.385.311
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.187.911.990	15.389.613.870
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.854.529.647	1.662.474.204
7. Chi phí tài chính	22		262.168.188	645.260.642
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		262.168.188	645.260.642
8. Chi phí bán hàng	24		1.706.632.233	1.841.722.243
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.588.485.158	2.758.211.141
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.485.156.058	11.806.894.048
11. Thu nhập khác	31		854.302.897	274.160.217
12. Chi phí khác	32		996.141.777	72.986
13. Lợi nhuận khác	40		(141.838.880)	274.087.231
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.343.317.178	12.080.981.279
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	1.585.829.295	3.020.245.320
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.757.487.883	9.060.735.959
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	319	844

Lê Phi Hùng
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 23 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Văn Phóng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.343.317.178	12.080.981.279
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ	02	1.219.900.438	1.003.038.521
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.632.604.456)	(1.662.474.204)
- Chi phí lãi vay	06	262.168.188	645.260.642
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	4.192.781.348	12.066.806.238
- Tăng/(Giảm) các khoản phải thu	09	26.926.161.066	45.445.353.945
- Tăng/(Giảm) hàng tồn kho	10	5.791.288.539	(3.507.065.001)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(1.833.006.843)	1.564.628.413
- Tăng chi phí trả trước	12	(7.674.655.112)	(2.094.187.243)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(262.168.188)	(645.260.642)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.949.184.574)	(510.904.797)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	274.087.231
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(121.782.122)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	25.069.434.114	52.593.458.144
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(74.535.241.661)	(169.411.510.290)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	800.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(122.331.544.444)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	126.430.100.352	12.600.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.854.529.647	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(65.782.156.106)	(156.811.510.290)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	36.846.300.000	14.015.300.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	45.250.740.247	151.098.208.639
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(62.627.337.347)	(41.601.175.134)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.215.364.250)	(815.780.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.254.338.650	122.696.553.505
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(26.458.383.342)	18.478.501.359
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	27.831.367.481	9.352.866.122
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.372.984.139	27.831.367.481

Lê Phi Hùng
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 23 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Văn Phóng
Kế toán trưởng

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001785 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 25 tháng 02 năm 2008, và các lần thay đổi. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 05 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần với cơ cấu vốn góp như sau:

Đối tượng	Cổ phần	Tỷ lệ góp vốn	Số tiền đã góp đến 31/12/2011
Công ty CP Tổng Công ty xây lắp dầu khí Nghệ An	8.200.000	54,67%	82.000.000.000
Công ty CP Đầu tư tài chính công đoàn dầu khí Việt Nam	1.790.100	11,93%	17.901.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán dầu khí	520.000	3,47%	5.200.000.000
Các cổ đông khác	4.489.900	29,93%	44.899.000.000
Cộng	15.000.000	100%	150.000.000.000

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, Chi tiết : Hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân phối vào đâu. Chi tiết : Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết : Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết : Tư vấn thiết kế, thẩm tra hồ sơ thiết kế và dự toán các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn thiết kế khảo sát địa hình công trình dân dụng, công nghiệp; Đo đạc, vẽ bản đồ địa chính, địa hình.
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết : Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình;
- Khai khoáng khác chưa được phân bổ vào đâu. Chi tiết : Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản ;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết : Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, kinh doanh các trung tâm thương mại, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chung cư. Đầu tư xây dựng, khai thác, quản lý các dự án thủy điện, xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết : Tư vấn giám sát các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật.
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết : Đầu tư tài chính;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết : Vận tải khách du lịch, theo hợp đồng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : Cho thuê máy quan trắc, đo đạc, máy móc, thiết bị chuyên ngành xây dựng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 170.513.329.779 đồng dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Ban Giám đốc Công ty lên phương án xin gia hạn các khoản nợ và vay đến hạn để có thời gian thu xếp trả nợ. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng một số khoản nợ và vay đến hạn trả sẽ được gia hạn và tình hình nợ sẽ không ảnh hưởng nhiều tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là hợp lý.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính này.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. (nếu áp dụng)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	04 - 07
Thiết bị quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 04

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, các chi phí tiếp thị, quảng cáo và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	336.337.873	1.684.415.545
Tiền gửi ngân hàng	1.036.646.266	8.146.951.936
Tiền gửi tiết kiệm dưới 3 tháng	-	18.000.000.000
Cộng	1.372.984.139	27.831.367.481

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cho Công ty An Phát vay	-	4.098.555.908
Cộng	-	4.098.555.908

3. Phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu CBCNV	92.640.000	57.132.073
Đội xây dựng Hưng Đông	96.801.815	166.801.815
Tạm ứng thi công các công trình	11.353.872.082	8.561.330.352
Cộng	11.543.313.897	8.785.264.240

4. Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	491.478.400	7.698.229
Công cụ, dụng cụ	3.454.545	8.560.632
Chi phí SXKD dở dang	9.995.782.705	15.667.004.669
Hàng hóa	-	598.740.659
Cộng	10.490.715.650	16.282.004.189

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	9.768.367.413	3.010.006.788
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	36.816.667	594.373.580
Cộng	9.805.184.080	3.604.380.368

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	181.964.125	2.298.511.617	3.581.291.182	255.474.027	52.000.000	6.369.240.951
Tăng trong kỳ	76.852.727	210.562.037	-	286.441.817	27.444.444	601.301.025
Giảm trong kỳ	-	-	1.660.236.008	25.290.910	52.000.000	1.737.526.918
Tại ngày 31/12/2011	258.816.852	2.509.073.654	1.921.055.174	516.624.934	27.444.444	5.233.015.058
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	26.290.425	212.485.983	1.182.720.065	108.976.642	28.166.668	1.558.639.783
Tăng trong kỳ	40.741.487	586.938.011	463.219.278	109.501.666	19.499.996	1.219.900.438
Giảm trong kỳ	-	-	664.094.402	15.396.213	36.111.112	715.601.727
Tại ngày 31/12/2011	67.031.912	799.423.994	981.844.941	203.082.095	11.555.552	2.062.938.494
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2011	155.673.700	2.086.025.634	2.398.571.117	146.497.385	23.833.332	4.810.601.168
Tại ngày 31/12/2011	191.784.940	1.709.649.660	939.210.233	313.542.839	15.888.892	3.170.076.564

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn giá trị sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 30.000.000 đồng.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
1. Mua sắm tài sản cố định	-	66.049
2. Tổng số chi phí XDCB dở dang	501.540.973.742	367.394.967.201
Trong đó:		
- Dự án tòa nhà Dầu khí Nghệ An	468.878.491.187	335.869.575.116
- Dự án Tổ hợp Dịch vụ Nghi Phú	30.929.016.812	30.617.544.680
- Dự án kinh doanh các sản phẩm dầu khí	1.097.516.805	906.247.405
- Dự án Resort Cửa Lò	87.240.000	1.600.000
- Dự án khu đô thị Vinh Tân	548.708.938	-
3. Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.905.412.124	-
Cộng	503.446.385.866	367.395.033.250

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.108.173.531	3.894.818.621
Cộng	6.108.173.531	3.894.818.621

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾTOÁN (TIẾP THEO)

9. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay cá nhân	421.896.769	-
Cộng	421.896.769	-
Vay dài hạn đến hạn trả	92.450.000.000	-
Cộng vay và nợ ngắn hạn	92.871.896.769	-

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	183.248.753	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.229.782.130	2.593.137.409
Thuế thu nhập cá nhân	-	37.436.517
Cộng	2.413.030.883	2.630.573.926

11. Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Lãi vay phải trả Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nghệ An	14.000.000.000	10.093.715.874
Lãi vay phải trả Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí VN - chi nhánh Thanh Hóa	33.906.867.534	25.492.250.860
Trích trước chi phí công trình	128.342.000	-
Cộng	48.035.209.534	35.585.966.734

12. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	144.979.906	28.276.732
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	53.603.848	13.017.980
Các khoản phải trả, phải nộp khác	154.418.598	6.605.874
Cộng	353.002.352	47.900.586

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An (a)	65.430.000.000	84.758.107.809
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Thanh Hóa (b)	119.138.148.557	207.983.534.617
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Vinh (c)	-	2.050.000.000
Cộng	184.568.148.557	294.791.642.426

(a) Số dư vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (không bao gồm khoản vay đến hạn trả trong năm 2011 đã phân loại sang vay và nợ ngắn hạn 5.000.000.000 đồng) là khoản vay theo phụ lục hợp đồng số 01/2011/PLHĐ ngày 12/05/2011 của Hợp đồng vay dài hạn số 01/2009/HĐTD-TNDK ngày 31/03/2009 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với hạn mức là 91.535.006.370 đồng. Thời hạn vay là 9 năm kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên cho đến khi trả hết nợ gốc, lãi và phí (nếu có). Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 25 tháng 06 năm 2011. Lãi suất kỳ đầu tiên bằng 10%/năm và thay đổi theo qui định của Ngân hàng. Công ty sử dụng tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án Tòa nhà Dầu khí Nghệ An để đảm bảo cho khoản vay này.

(b) Số dư vay của Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam – chi nhánh Thanh Hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (không bao gồm khoản vay đến hạn trả trong năm 2011 đã phân loại sang va và nợ ngắn hạn 86.400.000.000 đồng là khoản vay theo 2 Hợp đồng vay dài hạn của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

- *Hợp đồng vay dài hạn số 007/HĐTD/PVFCTH09 ngày 31/03/2010 với số tiền 210.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động Việt Nam Đồng kỳ hạn 12 tháng loại trả sau của PVFC + 0,3%/tháng và thay đổi theo qui định của PVFC-CN Thanh Hóa. Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc là 84 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày kết thúc thời gian ân hạn (thời gian ân hạn nợ gốc tối đa là 24 tháng). Kỳ trả nợ được tính là 03 tháng/lần và toàn bộ nợ gốc được trả trong 28 kỳ. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên kết thúc vào một ngày trong khoảng từ ngày 26 đến ngày cuối cùng của tháng cuối quý gần nhất kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Công ty cam kết sử dụng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất thực hiện dự án tại số 07 Quang Trung, TP Nghệ An, tỉnh Nghệ An để bảo đảm nghĩa vụ hoàn trả nợ cho Bên cho vay.*

- *Hợp đồng tín dụng dài hạn số Số Số 006/2009/HĐTD - PVFCTH09 ngày 19/03/2009 với hạn mức 4.550.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, để phục vụ đầu tư xây dựng dự án. Lãi suất cơ cấu tại thời gian trả nợ bằng lãi suất cho vay trong thời hạn cộng thêm 0,05%/tháng trên số dư nợ thực tế được cơ cấu lại và thời gian cơ cấu lại.*

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

(c) số dư vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương – Chi nhánh Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (không bao gồm khoản vay đến hạn trả trong năm 2011 đã phân loại sang vay và nợ ngắn hạn 1.025.000.000 đồng) là khoản vay theo 2 Hợp đồng trung hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương – Chi nhánh Nghệ An, cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 0078/2010/HĐTD03 - OCEANBANK07 ngày 15/07/2010 với hạn mức 1.800.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, để mua máy móc để thi công cho các dự án. Lãi suất cho vay là 1,33%/tháng được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay điều chỉnh được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm đồng Việt Nam 12 tháng thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 5%.

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 0144/2010/HĐTD03 - OCEANBANK07 ngày 14/11/2010 với hạn mức 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, để mua máy móc để thi công cho các dự án. Lãi suất cho vay là 1,5%/tháng được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay điều chỉnh được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm đồng Việt Nam 12 tháng thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu.

14. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	114.015.300.000	-	472.033.628	356.284.816	6.708.980.662
Vốn góp trong năm (*)	35.984.700.000	861.600.000	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	4.757.487.883
Phân phối các quỹ	-	-	668.275.664	668.275.663	(1.512.634.319)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(5.215.364.250)
Giảm khác	-	-	-	(30.517.553)	(91.264.569)
Số dư tại ngày 31/12/2011	150.000.000.000	861.600.000	1.140.309.292	994.042.926	4.647.205.407

(*) Công ty thực hiện tăng vốn theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 04/ NQ-ĐHĐCĐ.PVIT ngày 11 tháng 05 năm 2011.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An	82.000.000.000	81.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn dầu khí Việt Nam	17.911.000.000	-
Tổng Công ty dầu Việt Nam	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán dầu khí	5.200.000.000	4.000.000.000
Đối tượng khác	44.889.000.000	14.015.300.000
Cộng	150.000.000.000	114.015.300.000

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Cổ phần

	31/12/2011	01/01/2011
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	15.000.000	10.800.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	10.800.000
- <i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>10.800.000</i>
- <i>Cổ phần ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
- <i>Cổ phần phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	15.000.000	10.800.000
- <i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>10.800.000</i>
- <i>Cổ phần ưu đãi</i>		
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.932.413.259	
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	23.701.194.166	42.658.743.086
- Doanh cung cấp dịch vụ	67.952.435.580	135.793.256.095
- Doanh thu khác	278.783.513	195.000.000
Cộng	91.932.413.259	178.646.999.181

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	23.061.278.852	41.726.493.261
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	58.683.222.417	121.530.892.050
Cộng	81.744.501.269	163.257.385.311

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.854.529.647	1.662.474.204
Cộng	3.854.529.647	1.662.474.204

4. Chi phí tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	262.168.188	645.260.642
Cộng	262.168.188	645.260.642

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	6.343.317.178	12.080.981.279
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.343.317.178	12.080.981.279
Thuế suất thông thường	25%	25%
CP thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.585.829.295	3.020.245.320

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.757.487.883	9.060.735.959
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần	4.757.487.883	9.060.735.959
Số bình quân gia quyền cổ phần phổ thông	14.914.605	10.738.314
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	319	844

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty CP Tổng công ty xây lắp dầu khí Nghệ An	332.916.760	39.354.942.189
Tổng Công ty dầu Việt Nam	1.269.066.024	-
Ban điều hành nhà máy nhiệt điện Vũng Áng	13.571.764.765	-
Tổng công ty cổ phần tài chính dầu khí (PVFC)	260.468.965	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty CP Tổng công ty xây lắp dầu khí Nghệ An	-	145.241.534.033

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty CP Tổng công ty xây lắp dầu khí Nghệ An	4.071.783.308	19.177.447.721
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	810.495.359	
Công ty CP thi công cơ giới & lắp máy Dầu khí	280.384.864	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	2.443.911.032	
Tổng công ty CP Dầu Việt Nam (PV OIL)	62.241.460	
Công ty CP xây lắp Dầu khí 1	231.931.572	
Ban điều hành nhà máy nhiệt điện Vũng Áng	225.635.322	-
Các khoản phải trả		
Công ty CP Tổng công ty xây lắp dầu khí Nghệ An	46.842.569.406	6.957.586.926
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu Khí	2.652.796.776	-
Tổng Công ty CP xây lắp dầu khí Việt Nam	2.017.902.691	-
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	70.219.500	-
Công ty CP Xây lắp BĐS Điện lực dầu khí VN	118.804.000	-
Cty CP ĐTXL Dầu khí IMICO	1.181.427.793	-
Công ty CP Xi măng Dầu Khí 12/9	549.635.000	-

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Lê Phi Hùng
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 23 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Văn Phóng
Kế toán trưởng

PHẦN V. CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

I. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không

II. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ:

Công ty CP Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (tỷ lệ nắm giữ 54,67%)

III. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Không

IV. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của Công ty liên quan - Công ty CP Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An:

- Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An tiền thân là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An được thành lập ngày 20 tháng 4 năm 1961. Công ty được tổ chức lại theo Chỉ thị 500/TTG của Thủ tướng chính phủ và Quyết định số 4495/QĐUB của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trên cơ sở hợp nhất 9 doanh nghiệp độc lập thuộc ngành xây dựng Nghệ An, bao gồm: Công ty xây dựng số 1 Nghệ An; Công ty xây dựng số 5 Nghệ An; Công ty xây dựng thành phố Vinh; Công ty sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Xí nghiệp xi măng, vôi Vinh; Xí nghiệp cát sỏi, nạo vét san lấp mặt bằng xây dựng; Xí nghiệp gạch ngói 22-12; Xí nghiệp gạch ngói Hưng Nguyên; Nhà máy bê tông đá hoa xuất khẩu.

- Ngày 19 tháng 01 năm 2005, UBND tỉnh Nghệ An ra Quyết định số 284/QĐ-UB-ĐMDN về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An thành công ty cổ phần.

- Ngày 26/3/2007, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc Công ty trở thành đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và đổi tên thành Công ty cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC). Ngày 4/5/2007, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã ra Quyết định số 2397/QĐ-DKVN về việc tiếp nhận Công ty PVNC làm đơn vị thành viên của Tập đoàn.

- Ngày 26/10/2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN thông qua Đề án chuyển đổi Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Theo Nghị quyết này, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sẽ chuyển toàn bộ 2.295.000 cổ phần, tương đương 51% phần vốn mà Tập đoàn đang nắm giữ tại Công ty PVNC sang cho Tổng Công ty PVC. Công ty PVNC là đơn vị thành viên của Tổng Công ty PVC và có vốn điều lệ 100 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty PVC nắm giữ tỷ lệ cổ phần là 10% theo Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn số 1641/XLDK-TCKT ngày 05/4/2010.

- Việc gia nhập Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng và mở ra nhiều triển vọng lớn cho Công ty PVNC trong quá trình phát triển. Một mặt, Công ty được nâng cao tiềm lực tài chính, tăng năng lực cạnh tranh, uy tín thương hiệu trên thị trường, mặt khác Tổng Công ty còn có cơ hội tiếp cận với các dự án lớn của Tập đoàn Dầu khí và các đơn vị thành viên. Đây chính là cơ hội lớn đối với Công ty để có thể phát triển lên một tầm cao mới.

- Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 482/NQ-DHĐCĐ ngày 08/10/2010, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã nhất trí thông qua đề án chuyển Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An thành Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An. Do đó, ngày 19/10/2010, sở KHĐT tỉnh Nghệ An đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh tên của Công ty thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An với vốn điều lệ 100 tỷ đồng.

- Theo Nghị quyết số 88/NQ-PVNC của Hội đồng quản trị Công ty CP Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An ngày 03/12/2011 thì Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thêm 118.460.000.000 đồng, nâng vốn điều lệ lên 218.460.000.000 đồng.

PHẦN VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY (Đã nêu tại mục I, II phần I)

II. TÓM TẮT CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

1. Hội đồng quản trị

1.1. Ông - Đường Hùng Cường - Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh : 7/8/1977

- Số CMND : 012757736 do CA Hà Nội cấp ngày 11/3/2005

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Xã Đức Vĩnh – huyện Đức Thọ - Tỉnh Hà Tĩnh

- Địa chỉ thường trú: Số 05 Đường Lê Lợi - Phường Lê Lợi - TP.Vinh - Nghệ An

- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh quốc tế, Kiến trúc sư- chuyên ngành Kiến trúc công trình

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2001 - 2005	CN Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng - Chi nhánh tại Hà Nội	Cán bộ kỹ thuật
2005 - 2008	CN Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng tại miền Trung	Cán bộ quản lý- Phó Giám đốc
10/2008 - 3/2009	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	CB quản lý, Quyền Giám đốc XN PVIT10
3/2009 - 11/2009	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc XN PVIT10
11/2009 - 15/5/2011	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Bí thư chi bộ, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty
16/5/2011- nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 20.500 Cổ phần

+ Những người có liên quan: : 3.000 Cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

1.2. Ông - Lê Phi Hùng - Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc

- Ngày sinh : 21/12/1974

- Số CMND : 182043850 cấp ngày 03/01/2000 tại Công an Nghệ An

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hoa Thành -Yên thành- Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Khối 2 - Phường Cửa Nam, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/1992-12/2000	Công ty XD số 1 Nghệ An	Công nhân Xí nghiệp 3
01/2001-9/2004	Công ty XD số 1 Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp 103
10/2004-8/2006	Cty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp 3
9/2006-10/2006	Cty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An	Phó phòng đấu thầu dự án
10/2006-6/2007	Cty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An	Giám đốc Xí nghiệp 3
6/2007-3/2008	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Giám đốc Xí nghiệp 3
4/2008-5/2008	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Trưởng phòng Kế hoạch KT
6/2008-9/2008	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Thành viên HĐQT, Trưởng Phòng.Kinh tế-Kế hoạch
15/9/2008-10/5/2010	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Thành viên HĐQT, Trưởng ban điều hành dự án công trình: Toà nhà Dầu khí Nghệ An
11/5/2010 - 15/5/2011	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty
16/5/2011 - nay	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 2.000 Cổ phần
 - + Những người có liên quan: : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

1.3 . Ông - Đồng Xuân Bình - Ủy viên HĐQT

- Ngày sinh : 10/08/1960
- Số CMND: 186527151 Ngày cấp 26/2/2006 Nơi cấp: Công an Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đức Bình, Đức Thọ, Hà Tĩnh

- Địa chỉ thường trú: Phường Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An

- Trình độ văn hoá : 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1980 - 4/1987	Xí nghiệp xây dựng 6 - Tỉnh Hậu Giang	Cán bộ kỹ thuật
02/1987 - 3/1997	Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp 1
4/1997 - 4/2002	Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật XN 101
5/2002 - 3/2003	Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An	Phó Giám đốc Xí nghiệp 101
4/2003 - 02/2005	Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An	Chủ tịch Công đoàn
3/2005 - 4/2007	Công ty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An	Thành viên HĐQT
4/2007 - 5/2008	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Chủ tịch Công đoàn, Phó BT Đảng uỷ
5/2008 - nay	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Ủy viên HĐQT, Phó BT Đảng uỷ, Phó TGD công ty
05/2010 - 5/2011	Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Dầu khí Nghệ An	Chủ tịch HĐQT
6/2011 - nay	Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Dầu khí Nghệ An	Ủy viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 600 Cổ phần

+ Những người có liên quan : 0 Cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

1.4. Ông - Phan Hải Triều - Ủy viên HĐQT

- Ngày sinh : 02/09/1959

- Số CMND: 181979848 Ngày cấp 12/8/2004 Nơi cấp: Công an Nghệ An

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Hợp Thành – Yên Thành – Nghệ An

- Địa chỉ thường trú : Khối 10, phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, Nghệ An

- Trình độ văn hoá : 10/10

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh quốc tế, Kỹ sư xây dựng

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1979–11/1983	Công ty xây dựng số 5	Cán bộ phòng KHKT
12/1983–01/1985	Công ty xây dựng số 5	Phó giám đốc xí nghiệp 3
02/1985– 2/1996	Công ty xây dựng số 5	Giám đốc xí nghiệp 3
01/1997 – 3/2001	Công ty xây dựng số 1 Nghệ An	Giám đốc xí nghiệp 108
12/2001-12/2002	Công ty xây dựng số 1 Nghệ An	Giám đốc Công ty
1/2003 – 3/2005	Công ty xây dựng số 1 Nghệ An	Bí thư Đảng uỷ, Giám đốc Công ty
4/2005 – 5/2007	Công ty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An	Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty
6/2007 – 6/2008	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Bí thư Đảng uỷ, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
6/2008 - nay	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Tổng Công ty PVC, Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐQT
05/2010 - nay	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	Ủy viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Tổng Công ty PVC; Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An.

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần

+ Những người có liên quan : 0 Cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

1.5. Ông - Trần Đình Quang - Phó Bí thư đảng uỷ, Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 17/10/1966;

- Số CMND: 181275803; cấp ngày 27/8/2005; Nơi cấp: Công an Nghệ An;

- Quốc tịch: Việt Nam;

- Dân tộc: Kinh;

- Quê quán: Xã Lạc Sơn- huyện Đô Lương – tỉnh Nghệ An;

- Địa chỉ thường trú: Phường Hà Huy Tập – TP.Vinh- Tỉnh Nghệ An;

- Trình độ văn hoá: 12/12;

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi, chuyên ngành thủy điện;

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993-1995	Công ty khảo sát thiết kế thủy lợi Nghệ An	Thiết kế các công trình thủy lợi
1995-1998	Công ty khảo sát thiết kế thủy lợi Nghệ An	Bí thư Đoàn thanh niên
1998-2002	Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi & phát triển nông thôn Nghệ An	Xưởng trưởng xưởng thiết kế số 1, Bí thư Đoàn TN
2003-2007	Công ty CP Tư vấn & xây dựng thủy lợi Nghệ An	Phó phòng kế hoạch kỹ thuật
6/2007-9/2007	Công ty CP Đầu tư thủy điện miền Trung Việt Nam	Trưởng phòng kế hoạch dự án
10/2007-2/2008	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Phó Ban quản lý dự án
3/2008-7/2008	Công ty CP Đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó bí thư chi bộ kiêm Trưởng phòng kinh tế tổng hợp
8/2008-7/2009	Công ty CP Đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó bí thư chi bộ, Phó Tổng giám đốc
8/2009-12/2009	Công ty CP xi măng Dầu khí 12/9	Tổng giám đốc
1/2010-3/2010	Công ty CP Đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó Tổng giám đốc
4/2010 - 4/2011	Công ty CP Đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó bí thư chi bộ, Phó Tổng giám đốc
5/2011- nay	Công ty CP Đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó bí thư Đảng bộ, Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 21.000 Cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2. Ban kiểm soát

2.1. Bà – Trần Thị Hồng Minh - Trưởng BKS

- Ngày sinh: 11/4/1979
- Số CMND: 182239749; Cấp ngày: 18/12/1996; Nơi cấp: Công an Nghệ An;
- Quốc tịch: Việt Nam;

- Dân tộc: Kinh;
- Quê quán: xã Nam Phúc - huyện Nam Đàn - tỉnh Nghệ An;
- Địa chỉ thường trú: Khối 11 - phường Hà Huy Tập - TP Vinh - tỉnh Nghệ An;
- Trình độ văn hoá: 12/12;
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế;
- Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003 - 2005	Công ty xây dựng số 1 Nghệ An	Phụ trách kế toán đơn vị trực thuộc
2005 - 2007	Công ty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An	Phó bí thư đoàn TNCS Hồ Chí Minh Công ty, Phụ trách kế toán đơn vị trực thuộc
2007 - 4/2011	Công ty CP Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	UV BCH công đoàn, Phụ trách kế toán Ban QLDA 3
5/2011 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Trưởng ban kiểm soát Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 5.000 Cổ phần
 - + Những người có liên quan : 39.800 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2 Bà – Lê Thị Thúy Hà – Thành viên BKS

- Ngày sinh : 09/08/1972
- Số CMND : 182209098 do CA Nghệ An cấp ngày 04/09/1996
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hưng Hòa – TP Vinh - Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Khối Yên Vinh - Phường Hưng Phúc – TP Vinh Nghệ An
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/1993-3/1996	Công ty cơ điện xây lắp thuỷ lợi Nghệ An	Nhân viên kế toán
4/1996-2/1996	Công ty xây dựng số 5	Nhân viên kế toán
01/1997-10/2004	Công ty xây dựng số 1 Nghệ An	Kế toán Xí nghiệp 107
10/2004-4/2005	Công ty xây dựng số 1 Nghệ An	Kế toán trưởng Xí nghiệp 107
4/2005-4/2007	Công ty CP XD&ĐT số 1 Nghệ An	Kế toán trưởng Xí nghiệp 7
4/2007-6/2007	Công ty CP XD Dầu khí Nghệ An	Kế toán trưởng Xí nghiệp 7
6/2007-9/2008	Công ty CPXD ĐT số 1 Nghệ An	Thành viên Ban kiểm soát
9/2008- 3/2010	Công ty CPXD Dầu khí Nghệ An	Thành viên Ban kiểm soát
5/2010 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phụ trách kế toán Ban quản lý dự án số 3 Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An.

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 500 Cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.3 Ông - Trần Lương Sơn - Thành viên BKS

- Ngày sinh : 14/01/1972
- Số CMND : 181875545 do Công an Nghệ An cấp ngày 07/09/2008
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bồng Sơn – Huyện Hoài Nhơn – Tỉnh Bình Định
- Địa chỉ thường trú : Khối Vĩnh Quang – P.Đông Vĩnh- TP.Vinh- Nghệ An
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/2001-12/2005	Công ty XD I Nghệ An	CN tại XNXL tổng hợp
01/2006-05/2008	Công ty CP xây dựng số 3 Nghệ An	Cán bộ kỹ thuật
7/2008- 01/2009	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Nghệ An	Cán bộ phòng kinh tế tổng hợp
02/2009-8/2009	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí	Phó phòng Kinh tế tổng hợp

	Nghệ An	
9/2009 – 6/2010	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Nghệ An	Trưởng phòng Kinh tế tổng hợp
5/2010 - Nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Nghệ An	Thành viên Ban kiểm soát
7/2010- Nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Nghệ An	Trưởng Ban QLDA Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 5.100 Cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

3. Ban Tổng giám đốc

3.1. Ông – Lê Phi Hùng - Tổng Giám đốc

Lý lịch trình bày tại mục II/1/1.2 phần IV.

3.2. Ông Trần Đình Quang - Phó Tổng Giám đốc

Lý lịch trình bày tại mục II/1/1.5 phần IV.

3.3. Ông - Trần Hoàng Đạt - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh : 15/3/1980
- Số CMND : 182306148 do Công an Nghệ An cấp ngày 12/7/1999
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đức Tùng - Đức Thọ - Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : Phường Hưng Dũng – TP.Vinh – Nghệ An
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ- Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/2003 – 2/2008	Công ty CP tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng	Kỹ sư tư vấn thiết kế, Quản lý dự án, Giám sát thi công
3/2008-9/2008	Công ty CP đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó Ban QLDA
10/2008 - 10/2009	Công ty CP đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An	Trưởng Ban QLDA
11/2009 - 6/2010	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó tổng giám đốc Công ty kiêm Trưởng ban QLDA

7/2010 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó Tổng giám đốc Công ty
--------------	--	---------------------------

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 10.500 Cổ phần
 - + Những người có liên quan : 13.300 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

4. Kế toán trưởng: Ông – Nguyễn Văn Phóng

- Ngày sinh : 30/12/1975
- Số CMND : 182022226 do Công an Nghệ An cấp ngày 19/9/2003
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phong Thịnh – Thanh Chương – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Khối 14 Thị trấn Hưng Nguyên- Tỉnh Nghệ An
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh quốc tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1997-12/1998	Công ty TNHH Tân Tiến Phong – Hà Nội	Cán bộ giao nhận
01/1999-8/2005	Công ty Liên doanh mía đường Nghệ An Tate & Lyle	Kế toán
9/2005-8/2008	Công ty TNHH Phú Vinh – TP.Vinh	Kế toán trưởng
9/2008-2/2009	Xí nghiệp 11- Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Kế toán trưởng
3/2009 – 10/2009	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Phó phòng kế toán
11/2009 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 8.000 Cổ phần
 - + Những người có liên quan: :0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

III. Thay đổi Tổng Giám đốc:

Trong năm 2011, Công ty đã có sự thay đổi Tổng Giám đốc:

1. Ông Đường Hùng Cường thôi giữ chức Tổng giám đốc Công ty để nhận nhiệm vụ mới - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An thay thế ông Đồng Xuân Bình đã miễn nhiệm kể từ ngày 16/5/2011.

2. Ông Lê Phi Hùng thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty để nhận nhiệm vụ mới - Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An kể từ ngày 16/5/2011.

IV. Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:

Đã nêu tại Báo cáo Ban Tổng giám đốc và báo cáo tài chính

V. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

1. Số lượng cán bộ công nhân viên: 150

2. Chính sách đối với người lao động: Đảm bảo theo quy định nhà nước

VI. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

1. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty năm 2011 có sự thay đổi cơ cấu nhân sự cụ thể như sau:

- Theo Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ.PVIT ngày 26/4/2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của PVIT:

+ Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị PVIT đối với ông Trương Đại Hoàng kể từ ngày 26/4/2011;

+ Bầu bổ sung ông Trần Đình Quang vào Thành viên Hội đồng quản trị PVIT kể từ ngày 26/4/2011;

- Theo Nghị quyết liên tịch số 30/NQLT-HĐQT ngày 16/5/2011 của Đảng ủy và Hội đồng quản trị PVIT:

+ Ông Đồng Xuân Bình thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị để tham gia Thành viên Hội đồng quản trị PVIT kể từ ngày 16/5/2011.

+ Ông Đường Hùng Cường thôi giữ chức Tổng giám đốc Công ty và được HĐQT bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị PVIT kể từ ngày 16/5/2011.

2. Thay đổi Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Phạm Đình Cương thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty để chuyển công tác sang đơn vị mới kể từ ngày 06/1/2011;

2. Ông Lê Phi Hùng thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty để nhận nhiệm vụ mới - Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An kể từ ngày 16/5/2011.

3. Thay đổi Ban kiểm soát

1. Ông Tô Văn Tám thôi giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát Công ty kể từ ngày 26/4/2011.

2. Bà Trần Thị Hồng Minh được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty kể từ ngày 26/4/2011).

4. Thay đổi kế toán trưởng: Không

PHẦN VII
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH VÀ BAN KIỂM SOÁT/KIỂM SOÁT VIÊN:

1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát:

Thành viên HĐQT: 5 người (có danh sách và lý lịch trích ngang ở mục II phần VI)

Thành viên BKS: 03 người (có danh sách và lý lịch trích ngang ở mục II phần VI)

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Đã nêu tại Phần II - Báo cáo HĐQT.

3. Hoạt động của ban kiểm soát/Kiểm soát viên năm 2011

Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An đã được kiện toàn vào tháng 4 năm 2011 với 2 thành viên cũ và được bầu bổ sung thay thế thêm 1 thành viên mới.

Những thuận lợi: Các thành viên Ban kiểm soát là các cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ, có kinh nghiệm thực tế. Ban kiểm soát đã xây dựng chương trình công tác năm 2011 và phân công nhiệm vụ cho các thành viên và thường xuyên có thông tin liên lạc giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Các thành viên thường xuyên giữ mối quan hệ với Công ty để thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công.

Khó khăn: Thành viên Ban kiểm soát chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm, địa điểm công tác khác nhau, nên có nhiều khó khăn trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát không có các thành viên chuyên trách làm việc tại văn phòng Công ty nên việc cập nhật thông tin và thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát cũng có nhiều hạn chế.

Trong năm 2011, Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Ban. Tổ chức kiểm tra định kỳ với nội dung: Việc thực hiện các nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hết năm 2011, chứng từ sổ sách kế toán của Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc, việc thực hiện các dự án đầu tư, công tác thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, công tác góp và sử dụng vốn điều lệ, tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế và các hoạt động khác của Công ty. Báo cáo kết luận kiểm tra được gửi tới HĐQT và Tổng giám đốc.

4. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc:

Đã nêu tại phần IV - báo cáo tài chính

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát tính chốt tại ngày 08/3/2012

STT	Họ tên	Chức vụ	SLCP	%/VĐL
1	Đông Xuân Bình	Thành viên HĐQT	600	0,004
2	Đường Hùng Cường	Chủ tịch HĐQT	20.500	0,137
3	Lê Phi Hùng	TV. HĐQT, TGD	2.000	0,013
4	Phan Hải Triều	TV. HĐQT	0	0

6	Trần Đình Quang	TV. HĐQT, P.TGD	21.000	0,14
7	Trần Hoàng Đạt	P.TGD	10.500	0,070
8	Trần Thị Hồng Minh	Trưởng Ban kiểm soát	5.000	0,033
9	Lê Thị Thuý Hà	TV Ban kiểm soát	500	0,003
10	Trần lương Sơn	TV Ban kiểm soát	5.100	0,034

II. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN

1. Cổ đông/thành viên góp vốn nhà nước: Không

2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

TT	Danh mục	Giá trị (1,000 VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông sáng lập, trong đó:	106.610.400	71,07%
1	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	82.000.000	54,67%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	5.200.000	3,47%
3	Nguyễn Lê Vinh	8.000	0,01%
4	Trần Đình Trọng	8.000	0,01%
5	Trần Đông Phương	8.000	0,01%
6	Nguyễn Đức Nam	8.000	0,01%
7	Huỳnh Khắc Sơn	8.000	0,01%
8	Nguyễn Minh Châu	8.000	0,01%
9	Nguyễn Thị Phương Mai	8.000	0,01%
10	Nguyễn Thùy Lan	8.000	0,01%
11	Biện Quốc Anh	8.000	0,01%
12	Nguyễn Quang Hồng	8.000	0,01%
13	Nguyễn Việt Cường	10.400	0,01%
14	Lại Minh Phương	8.000	0,01%
15	Nguyễn Ngọc Thạch	8.000	0,01%
16	Nguyễn Minh Nhựt	8.000	0,01%
17	Trần Đức Hiện	390.000	0,26%
18	Phan Phúc Hậu	650.000	0,43%
19	Kim Thị Phương Mai	30.000	0,02%
20	Đoàn Ngọc Hải	30.000	0,02%
21	Dương Xuân Hồng	52.000	0,03%
22	Trần Ngọc Diệp	50.000	0,03%
23	Nguyễn Thanh Liêm	48.000	0,03%
24	Lương Thị Thủy	60.000	0,04%
25	Đỗ Mạnh Bình	26.000	0,02%
26	Phạm Thành Tuấn	39.000	0,03%
27	Trần Thùy Dương	20.000	0,01%
28	Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	17.901.000	11,93%

3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:

TT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Giá trị (1,000 VND)	Tỷ lệ (%)
1	Wataru Miyazawa	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	2.000.000	0,001%

Nơi nhận:

- UBCKNN (b/c);
- Sở GD&ĐT HN (b/c);
- HĐQT, BKS (b/c);
- Lưu TCNS, VT.

*Vinh, ngày 17 tháng 4 năm 2012***TỔNG GIÁM ĐỐC****Lê Phi Hùng**